

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116/2021/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2021***NGHỊ ĐỊNH****Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy,
Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy
và quản lý sau cai nghiện ma túy**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính về:

1. Điều kiện hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy công lập; thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; thủ tục đăng ký, công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

2. Quy trình cai nghiện ma túy.

3. Cai nghiện ma túy tự nguyện.

4. Cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

5. Cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

6. Quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dịch vụ cai nghiện ma túy* là hoạt động do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện nhằm hỗ trợ người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

2. *Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy* là thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy với người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi về việc cung cấp, sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.

3. *Không đăng ký cai nghiện tự nguyện hoặc không đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế* là việc người nghiện hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác định, thông báo là nghiện ma túy mà không đăng ký cai nghiện tự nguyện hoặc không đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của

pháp luật. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn trên thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. *Không thực hiện cai nghiện tự nguyện hoặc không thực hiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế* là việc người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cai nghiện tự nguyện, quyết định điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế của cơ quan có thẩm quyền mà không thực hiện cai nghiện, điều trị theo đăng ký. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn trên thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. *Tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy, chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế* là việc người đang trong thời gian cai nghiện tự nguyện, thời gian điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế mà không tuân thủ các quy định chuyên môn về cai nghiện ma túy; tự ý rời khỏi cơ sở cai nghiện từ 05 ngày làm việc trở lên, không đến điều trị tại cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế từ 05 ngày làm việc trở lên hoặc không chấp hành 10 liệu trình điều trị liên tục mà không có lý do.

6. *Tái nghiện* là trường hợp người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc hoặc kết thúc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế có hành vi sử dụng ma túy trái phép, được cơ quan có thẩm quyền xác định là nghiện ma túy.

7. *Có tiến bộ rõ rệt* là việc người trong thời gian cai nghiện ma túy nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế, quy trình cai nghiện, tích cực lao động, học tập; không sử dụng ma túy trái phép, được cơ sở cai nghiện ma túy, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện ma túy đăng ký cai nghiện công nhận.

8. *Lập công* là hành vi của người đang cai nghiện ma túy đã dũng cảm cứu người, cứu được tài sản của Nhà nước, của tập thể hoặc của người khác; có sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động, sản xuất, được cơ quan chức năng từ cấp tỉnh trở lên công nhận; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào

Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và được tặng giấy khen của Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên.

9. *Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú* là biện pháp hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy phòng, chống tái nghiện, hòa nhập cộng đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy

1. Việc tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy phải được thực hiện theo quy định tại Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy phải tôn trọng quyền, nghĩa vụ của người cai nghiện, người sau cai nghiện ma túy; bảo đảm bí mật cá nhân của người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy; chỉ cung cấp thông tin liên quan cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho việc tổ chức cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ người tự nguyện cai nghiện, người sau cai nghiện ma túy và tổ chức, cá nhân tham gia công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 5. Bảo đảm an ninh trật tự, phòng, chống dịch bệnh và điều trị bệnh tại cơ sở cai nghiện

1. Khi phát sinh vấn đề phức tạp về an ninh trật tự, phòng, chống dịch bệnh và điều trị bệnh tại cơ sở cai nghiện, cơ sở cai nghiện đề nghị trung tâm y tế, cơ quan công an cấp huyện nơi đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện phối hợp giải quyết.

2. Trường hợp cần thiết hoặc ngoài khả năng xử lý của các cơ quan cấp huyện thì cơ sở cai nghiện báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đề nghị Sở Y tế, Công an cấp tỉnh cử người để phối hợp giải quyết. Trường hợp cơ quan được đề nghị không cử người hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương II

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP; THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN; THỦ TỤC CÔNG BỐ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG

Mục 1

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

Điều 6. Điều kiện cơ sở vật chất

Cơ sở cai nghiện ma túy công lập (sau đây gọi tắt cơ sở) phải bảo đảm các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất sau:

1. Cơ sở phải đặt tại địa điểm thuận tiện về tiếp cận giao thông, tiếp cận cơ sở y tế; có điện, nước sạch phục vụ cho sinh hoạt; có tường bao, biển tên cơ sở.

2. Cơ sở vật chất

a) Diện tích đất tự nhiên cho 01 đối tượng: 80 m²/đối tượng ở khu vực thành thị, 100 m²/đối tượng ở khu vực nông thôn, 120 m²/đối tượng ở khu vực miền núi;

b) Diện tích phòng ở bình quân 06 m²/đối tượng; đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân 08 m²/đối tượng.

3. Cơ cấu khối công trình của cơ sở cai nghiện gồm:

a) Khối hành chính, quản trị gồm: khu làm việc, hội trường, phòng ở của nhân viên;

b) Khối nhà ở của người cai nghiện: tổ chức các khu riêng biệt theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 35 Luật Phòng, chống ma túy;

c) Khối đơn vị chức năng gồm: y tế, giáo dục, trị liệu tâm lý, nhà thăm gặp thân nhân, khu vực lao động trị liệu, lao động sản xuất (nếu có);

d) Khu vực nhà ăn, bếp và kho;

đ) Sân chơi, tập thể thao phải có diện tích tối thiểu bằng 25% tổng diện tích sử dụng của cơ sở.

4. Các tiêu chuẩn chuyên môn khác:

a) Các công trình xây dựng, trang thiết bị phải bảo đảm cho người nghiện ma túy là người khuyết tật và người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tiếp cận và sử dụng thuận tiện, an toàn; đáp ứng các điều kiện về môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở phải bảo đảm các tiêu chuẩn về y tế, vệ sinh, quần áo và dinh dưỡng đối với người cai nghiện; bảo đảm cho người cai nghiện được tiếp cận về văn hóa, thể dục, thể thao và giải trí phù hợp với truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm của đối tượng.

Điều 7. Điều kiện trang thiết bị của cơ sở

1. Có các trang thiết bị phục vụ cho việc đón tiếp, ăn, ở, sinh hoạt của người cai nghiện và trang thiết bị cần thiết phục vụ cho các hoạt động chuyên môn theo quy trình cai nghiện ma túy.

2. Danh mục trang thiết bị, phương tiện tối thiểu của cơ sở cai nghiện quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Điều kiện nhân sự

1. Viên chức của cơ sở cai nghiện phải có chuyên ngành đào tạo thuộc một trong các ngành nghề sau: y, dược, công tác xã hội, tâm lý, sư phạm, luật, kinh tế và các ngành nghề khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ sở, trong đó:

a) Có ít nhất một người chịu trách nhiệm, phụ trách một giai đoạn của quy trình cai nghiện tại Chương III Nghị định này, có trình độ chuyên môn phù hợp;

b) Người phụ trách y tế là y sĩ, bác sĩ, đã được đào tạo, tập huấn về xác định tình trạng nghiện, điều trị và cai nghiện ma túy.

2. Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số người làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Mục 2**THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN****Điều 9. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện**

Cơ sở được cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là cơ sở cai nghiện) khi có đủ các điều kiện sau:

1. Được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp.
2. Có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của hoạt động cai nghiện ma túy theo quy định tại Khoản 1, 2, 4 Điều 6 Nghị định này và điểm e Khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống ma túy. Trường hợp thuê cơ sở vật chất thì thời hạn thuê phải còn ít nhất 02 năm kể từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động.
3. Có trang thiết bị, phương tiện tối thiểu theo danh mục quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.
4. Nhân sự làm việc tại cơ sở cai nghiện phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện phải có trình độ từ đại học trở lên, đã được đào tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc có thời gian làm công tác cai nghiện, điều trị nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện từ 02 năm trở lên.
5. Có phương án tài chính bảo đảm duy trì các hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện.

Điều 10. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện trong địa bàn quản lý.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động gồm:
 - a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định này;
 - b) 01 bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Văn bản chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) nơi cơ sở cai nghiện ma túy đặt trụ sở theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục II Nghị định này;

d) Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này;

đ) 01 bản chính danh sách nhân viên theo Mẫu số 03 Phụ lục II, kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ; 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định này, 01 bản sao giấy xác nhận đã được đào tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ sở;

e) 01 bản phương án tài chính của cơ sở để bảo đảm duy trì hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định này.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc phương thức điện tử 01 bộ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, các điều kiện hoạt động và quyết định cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định này, gồm các nội dung sau: tên cơ sở; hình thức tổ chức của cơ sở; họ, tên người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm theo pháp luật; địa điểm trụ sở chính và các cơ sở (nếu có); phạm vi dịch vụ cai nghiện thực hiện; thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở.

Điều 12. Điều kiện, hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy

1. Cơ sở cai nghiện đề nghị cấp lại giấy phép cai nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là giấy phép) khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Giấy phép bị mất, hỏng;
- b) Cơ sở cai nghiện thay đổi người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật;
- c) Thay đổi địa điểm trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;
- d) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép gồm:

- a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định này;
- b) 01 bản chính biên bản xác nhận giấy phép bị mất, hỏng theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định này của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

c) 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định này, kèm theo các văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này;

d) Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị tại trụ sở mới theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này;

đ) Báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này theo Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định này.

3. Trình tự thực hiện:

a) Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc phương thức điện tử 01 bộ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và quyết định cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy. Trường hợp không cấp lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện có thời hạn

1. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện bị đình chỉ hoạt động cai nghiện có thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Không thực hiện cung cấp dịch vụ sau 03 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động;

c) Có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện với thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng.

3. Thủ tục đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện có hành vi vi phạm theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập biên bản theo Mẫu số 09 Phụ lục II và xem xét, quyết định đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định này;

b) Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm hoàn trả chi phí cai nghiện và giải quyết các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện khi bị đình chỉ hoạt động.

4. Khi hết thời hạn đình chỉ, cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện phải báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi ra quyết định đình chỉ. Việc cấp lại giấy phép hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Điều 14. Thu hồi giấy phép hoạt động

1. Cơ sở cai nghiện bị thu hồi giấy phép khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định này;

b) Không có biện pháp khắc phục khi bị đình chỉ hoạt động theo quy định tại Điều 13 Nghị định này;

c) Thực hiện không đầy đủ trách nhiệm quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống ma túy, gây thiệt hại nghiêm trọng về vật chất và tinh thần đối với người cai nghiện;

d) Sau 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép mà cơ sở cai nghiện tự nguyện chưa tổ chức hoạt động cai nghiện ma túy hoặc ngừng hoạt động 06 tháng liên tiếp không có lý do, trừ trường hợp phải tạm dừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng; bị giải thể hoặc vi phạm các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy:

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định thu hồi giấy phép của cơ sở cai nghiện ma túy đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm b, c và d Khoản 1 Điều này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập biên bản theo Mẫu số 09 Phụ lục II và xem xét, quyết định thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 12 Phụ lục II Nghị định.

c) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo việc thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy cho Sở Y tế, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện đóng trụ sở và các cơ quan khác có liên quan.

3. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm hoàn trả chi phí cai nghiện và giải quyết các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện khi bị thu hồi giấy phép hoạt động.

Mục 3
THỦ TỤC CÔNG BỐ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CAI NGHIỆN MA TÚY
TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG

Điều 15. Phạm vi dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Các dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gồm:

- a) Tư vấn, hỗ trợ người nghiện ma túy xây dựng kế hoạch cai nghiện;
- b) Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác cho người nghiện ma túy;
- c) Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy;
- d) Tổ chức lao động trị liệu, dạy nghề và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho người nghiện ma túy.

2. Căn cứ các điều kiện quy định tại Điều 16 Nghị định này, tổ chức, cá nhân đăng ký cung cấp một hoặc nhiều dịch vụ theo phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật; cá nhân không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thời gian chấp hành bản án hình sự của tòa án; không trong thời hạn cấm hành nghề hoặc công việc.

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị:

a) Có cơ sở vật chất để thực hiện việc tiếp nhận, cung cấp dịch vụ cai nghiện theo phạm vi dịch vụ đăng ký. Trường hợp cung cấp dịch vụ nội trú, cơ sở phải đáp ứng các điều kiện về phòng ở, các tiêu chuẩn chuyên môn khác quy định tại điểm b Khoản 2 và Khoản 4 Điều 6 Nghị định này;

b) Có trang thiết bị để thực hiện các dịch vụ cai nghiện theo quy định tại Mục A Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

3. Về nhân sự:

a) Có ít nhất 01 người chịu trách nhiệm chính thực hiện việc cung cấp dịch vụ, có trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo phù hợp;

b) Nhân sự phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

Điều 17. Hồ sơ, trình tự đăng ký, công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gồm:

a) Văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định này;

b) 01 bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức cung cấp dịch vụ);

c) Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ;

d) 01 bản chính danh sách nhân viên theo Mẫu số 03 Phụ lục II, kèm theo 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ, phiếu lý lịch tư pháp được cấp không quá 03 tháng tại thời điểm nộp hồ sơ của từng nhân viên; lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định này;

đ) Dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

2. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc qua phương thức điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tổ chức đóng trụ sở hoặc nơi cá nhân cư trú. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định và công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Mẫu số 14 Phụ lục II Nghị định này. Trường hợp không đủ điều kiện công bố phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng phải được niêm yết công khai tại trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn.

Điều 18. Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng bị đình chỉ có thời hạn trong các trường hợp sau:

- a) Không đảm bảo các điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo quy định tại Điều 16 của Nghị định này;
- b) Không thực hiện cung cấp dịch vụ sau 06 tháng kể từ ngày công bố;
- c) Có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đình chỉ việc cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng với thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng.

3. Thủ tục đình chỉ việc cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm lập biên bản theo Mẫu số 15 Phụ lục II Nghị định này báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 16 Phụ lục II Nghị định này;

b) Tổ chức, cá nhân bị đình chỉ hoạt động có trách nhiệm hoàn trả chi phí sử dụng dịch vụ cai nghiện và giải quyết các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện khi bị đình chỉ.

4. Khi hết thời hạn đình chỉ, tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký, công bố lại theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Điều 19. Điều kiện, hồ sơ, trình tự công bố lại đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Điều kiện công bố lại:

a) Thay đổi người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ; thay đổi địa điểm cung cấp dịch vụ;

b) Hết thời hạn đình chỉ cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Hồ sơ đề nghị công bố lại gồm:

a) Văn bản đề nghị công bố lại của tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định này;

b) Lý lịch tóm tắt người đại diện theo pháp luật của tổ chức cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, phiếu lý lịch tư pháp hoặc địa điểm trụ sở mới của cơ sở cung cấp dịch vụ đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này; báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này theo Mẫu số 17 Phụ lục II Nghị định này.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và công bố lại tổ chức cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Mẫu số 14 Phụ lục II Nghị định này. Trường hợp không đủ điều kiện công bố phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Việc công bố lại đối với tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng phải được niêm yết công khai tại trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn.

Điều 20. Trình tự đăng ký, công bố đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập gửi văn bản đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến cung cấp dịch vụ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc công bố theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định này.

Điều 21. Đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng cho đơn vị sự nghiệp công lập

1. Căn cứ vào nhu cầu cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền cung cấp một hoặc nhiều dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Mẫu số 18 Phụ lục II Nghị định này.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng phải đáp ứng các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự theo quy định tại Nghị định này và các quy định hiện hành về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí nguồn lực cho đơn vị sự nghiệp công lập được lựa chọn để đặt hàng, giao nhiệm vụ và niêm yết công khai danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập tại trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn.

Chương III**QUY TRÌNH CAI NGHIỆN MA TÚY****Điều 22. Tiếp nhận, phân loại**

1. Thực hiện các thủ tục tiếp nhận người cai nghiện theo nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Thu thập thông tin cá nhân của người nghiện ma túy để tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện, gồm: độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, loại ma túy sử dụng, mức độ sử dụng, trình độ học vấn, nghề nghiệp và các vấn đề khác về bản thân, gia đình người nghiện ma túy theo Mẫu số 19 Phụ lục II Nghị định này.

3. Thông tin về phương pháp cai nghiện, chương trình cai nghiện; tư vấn, giải đáp các thắc mắc cho người nghiện ma túy.

4. Phân loại đối tượng và tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy theo Mẫu số 20 Phụ lục II Nghị định này.

Điều 23. Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác

1. Khám, xây dựng bệnh án đối với người cai nghiện; chú ý các dấu hiệu rối loạn tâm thần, bệnh cơ hội.

2. Xác định loại ma túy, liều lượng ma túy người nghiện sử dụng để xây dựng phác đồ điều trị cắt cơn, giải độc theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

3. Tư vấn tâm lý đối với người nghiện trước khi điều trị cắt cơn, giải độc.

4. Thực hiện phác đồ điều trị theo các quy định, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Kết hợp sử dụng thuốc với các biện pháp tâm lý và các biện pháp vật lý trị liệu phục hồi chức năng; kết hợp điều trị cắt cơn, giải độc với điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh cơ hội khác.

Điều 24. Giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách

1. Tổ chức dạy văn hóa, học tập các chuyên đề: giáo dục công dân, sức khỏe và cộng đồng, pháp luật, đạo đức, truyền thống dân tộc và chuyên đề phù hợp khác với số lượng, trình độ học vấn người cai nghiện.

2. Tổ chức các hoạt động trị liệu tâm lý nhằm điều trị các rối loạn tâm thần, nâng cao kỹ năng sống, giá trị sống, tư duy tích cực, kỹ năng tự quản lý bản thân cho người cai nghiện.

3. Kết hợp việc học tập, trị liệu với việc tư vấn, khuyến khích người cai nghiện tham gia các hoạt động lao động sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở để tạo ý thức, thói quen tốt trong sinh hoạt.

4. Tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao, các chương trình sinh hoạt tập thể, trò chơi vận động cho người cai nghiện.

Điều 25. Lao động trị liệu, học nghề

1. Tổ chức các hoạt động lao động trị liệu nhằm giúp người cai nghiện cải thiện về sức khỏe thể chất, tâm trí, tăng cường ý thức tổ chức, kỷ luật trong lao động, nâng cao tinh thần tự lập và giúp người cai nghiện nhận thức được giá trị của lao động.

2. Căn cứ vào số lượng, sức khỏe, độ tuổi, giới tính, trình độ, thời gian, nguyện vọng của người cai nghiện để tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Điều 26. Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện theo các mục tiêu; đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất, tâm thần của người cai nghiện ma túy;

2. Xác định nơi cư trú của người cai nghiện để chuẩn bị thực hiện biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy; tư vấn các biện pháp phòng, chống tái nghiện cho người nghiện cai nghiện ma túy; kỹ năng từ chối sử dụng ma túy khi tái hòa nhập cộng đồng.

3. Cung cấp thông tin về biện pháp quản lý sau cai nghiện tại cộng đồng và các chính sách hỗ trợ hòa nhập của nhà nước đối với người sau cai nghiện ma túy; giới thiệu, cung cấp thông tin, địa chỉ dịch vụ công tác xã hội, nhóm sinh hoạt đồng đẳng tại địa phương cho người cai nghiện ma túy.

4. Phổ biến chính sách, pháp luật, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thị trường lao động, tư vấn, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý nhằm trang bị kiến thức cần thiết, nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc của người cai nghiện ma túy.

5. Hướng dẫn người cai nghiện ma túy xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng theo Mẫu số 21 Phụ lục II Nghị định này. Kế hoạch cần xác định mục tiêu, nguyện vọng của người cai nghiện ma túy, hoàn cảnh thực tế, sự hỗ trợ của các nguồn lực, năng lực bản thân người cai nghiện ma túy, chọn việc làm phù hợp với sức khỏe và kỹ năng lao động của bản thân.

Điều 27. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình cai nghiện

1. Căn cứ quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25 và Điều 26 của Nghị định này và điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự của đơn vị, cơ sở cai nghiện xây dựng, ban hành quy trình cai nghiện ma túy.

2. Quy trình cai nghiện ma túy phải phù hợp với phân loại người nghiện ma túy, thời gian cai nghiện của đối tượng, độ tuổi, giới tính, sức khỏe và trình độ học vấn của đối tượng cai nghiện.

Chương IV**CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN****Mục 1****THỦ TỤC ĐĂNG KÝ CAI NGHIỆN VÀ TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG****Điều 28. Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xác định nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền, người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên (sau đây gọi tắt là người nghiện ma túy) phải đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện hoặc đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Trường hợp, người không có nơi cư trú ổn định thì đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm pháp luật và thực hiện việc cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thủ tục, hồ sơ đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế thực hiện theo quy định của Chính phủ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi người nghiện ma túy tham gia điều trị hoặc chấm dứt điều trị, cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện đó đăng ký để quản lý hoặc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc.

3. Địa điểm cai nghiện tự nguyện:

a) Tại gia đình, cộng đồng;

b) Tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập hoặc cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

4. Hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện gồm:

a) 01 bản đăng ký cai nghiện tự nguyện theo Mẫu số 22 Phụ lục II Nghị định này;

b) 01 bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền;

c) 01 bản photô một trong các loại giấy tờ tùy thân: căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người nghiện ma túy.

5. Trình tự thực hiện đăng ký cai nghiện tự nguyện:

a) Người nghiện ma túy, người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều này tại điểm tiếp nhận đăng ký cai nghiện của Ủy ban nhân dân cấp xã; xuất trình bản chính giấy tờ tùy thân để đối chiếu.

b) Người tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, đối chiếu giấy tờ tùy thân và vào sổ đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 23 Phụ lục II Nghị định này. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, người tiếp nhận hướng dẫn người đăng ký hoàn thiện, bổ sung hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện.

Điều 29. Tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí địa điểm, nhân sự tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn việc đăng ký cai nghiện tự nguyện.

2. Địa điểm tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện phải có trang thiết bị cần thiết cho việc đón tiếp, lưu hồ sơ đăng ký.

Điều 30. Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc quyết định điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện, đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thẩm định hồ sơ đăng ký cai nghiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

2. Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo Mẫu số 24 Phụ lục II Nghị định này phải được gửi cho cá nhân, gia đình người cai nghiện, các đơn vị cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện.

Điều 31. Thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Người cai nghiện ma túy, người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy có trách nhiệm:

a) Thực hiện cai nghiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Phối hợp với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện tự nguyện hoàn thiện kế hoạch cai nghiện và thực hiện kế hoạch cai nghiện với sự hỗ trợ chuyên môn của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và trợ giúp của gia đình. Tuân thủ sự hướng dẫn của cơ quan chuyên môn trong quá trình thực hiện kế hoạch cai nghiện ma túy của cá nhân;

c) Trả chi phí sử dụng dịch vụ cai nghiện tự nguyện cho tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ theo hợp đồng sử dụng dịch vụ.

2. Gia đình và người đại diện hợp pháp của người cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm:

a) Quản lý, hỗ trợ, động viên người cai nghiện thực hiện kế hoạch cai nghiện;

b) Tạo điều kiện vật chất, tinh thần để người cai nghiện ma túy phục hồi sức khỏe, tâm lý; thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em tham gia học tập (đối với người dưới 18 tuổi), học nghề, tạo việc làm, sinh kế giúp người cai nghiện hòa nhập cộng đồng, xã hội;

c) Trả chi phí cai nghiện theo hợp đồng sử dụng dịch vụ cai nghiện (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).

3. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai, minh bạch về loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá cung cấp dịch vụ đối với người cai nghiện, gia đình người nghiện;

b) Tiếp nhận, tư vấn, hướng dẫn người cai nghiện xây dựng kế hoạch cai nghiện theo quy trình cai nghiện quy định tại Chương III Nghị định này;

c) Thực hiện đúng quy định chuyên môn theo quy trình cai nghiện, chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ cung cấp;

d) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi người cai nghiện ma túy sử dụng dịch vụ hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ, hoàn thành dịch vụ.

Điều 32. Nội dung quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hướng dẫn thực hiện công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân về chính sách, pháp luật phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy; đối tượng, trình tự, thủ tục đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Rà soát, thống kê số người nghiện ma túy để xây dựng kế hoạch quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện; huy động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, đội công tác xã hội tình nguyện, cá nhân tình nguyện trong địa bàn tham gia quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện;

c) Lập danh sách người cai nghiện tự nguyện; phân công cán bộ quản lý, theo dõi, đánh giá kết quả đối với người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

d) Niêm yết công khai tại điểm đăng ký cai nghiện danh sách các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện. Yêu cầu các tổ chức cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện niêm yết công khai, minh bạch về các nội dung: loại dịch vụ, quy trình thực hiện dịch vụ, giá dịch vụ;

đ) Tạo điều kiện để người cai nghiện ma túy tham gia các hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trên địa bàn; ưu tiên các hoạt động tạo việc làm, tạo sinh kế cho người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

2. Quản lý người đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thay đổi nơi cư trú:

a) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thay đổi nơi cư trú phải thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đi chuyển hồ sơ của người cai nghiện tự nguyện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chuyển đến để tiếp tục quản lý, hỗ trợ.

Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị tiếp tục quản lý, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Mẫu số 25 Phụ lục II Nghị định này; quyết định cai nghiện tự nguyện.

c) Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện điểm a, b Khoản 2 Điều này.

3. Cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

a) Khi kết thúc thời hạn cai nghiện tự nguyện, người được phân công theo dõi, quản lý người cai nghiện đánh giá kết quả cai nghiện tự nguyện và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

b) Giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Mẫu số 26a Phụ lục II Nghị định này, 01 bản gửi người cai nghiện ma túy, gia đình người cai nghiện ma túy (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi), 01 bản gửi Cơ quan công an cấp xã để thực hiện quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 33. Xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Trưởng Công an cấp xã lập biên bản hành vi vi phạm theo Mẫu số 27 Phụ lục II Nghị định này để làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau:

- a) Người nghiện ma túy không đăng ký cai nghiện tự nguyện;
- b) Người đã có quyết định cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng mà không thực hiện cai nghiện hoặc tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy;
- c) Người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian cai nghiện tự nguyện;
- d) Người nghiện ma túy không thực hiện hoặc tự ý chấm dứt điều trị khi đăng ký điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

2. Hồ sơ, trình tự đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V Nghị định này.

Điều 34. Điều kiện đảm bảo cho việc tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chế độ hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện

1. Căn cứ số lượng người cai nghiện tự nguyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công ít nhất 01 người để thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

2. Kinh phí đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị cho điểm tiếp nhận đăng ký cai nghiện tự nguyện thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Kinh phí lập, xét duyệt hồ sơ đăng ký cai nghiện tự nguyện; hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, người được giao quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và các khoản kinh phí khác phục vụ cho việc tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chế độ hỗ trợ:

a) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã được hưởng thù lao hàng tháng. Mức thù lao tối đa là 0,6 (không phải sáu) lần mức lương cơ sở hiện hành;

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, 23 và Điều 24 của Nghị định này thì được nhà nước hỗ trợ một lần kinh phí cai nghiện, mức tối thiểu bằng mức lương cơ sở hiện hành.

5. Nội dung chi, mức chi quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Mục 2

THỦ TỤC TIẾP NHẬN, THỰC HIỆN CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY VÀ CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN

Điều 35. Thủ tục tiếp nhận người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

1. Người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên có nhu cầu cai nghiện ma túy được tiếp nhận cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện.

2. Hồ sơ tiếp nhận cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện gồm:

a) 01 bản đăng ký tự nguyện cai nghiện theo Mẫu số 22 Phụ lục II Nghị định này;

b) 01 bản photô một trong các loại giấy tờ tùy thân: căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy khai sinh (đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi) của người cai nghiện.

3. Trình tự thực hiện:

a) Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều này tại cơ sở cai nghiện ma túy; xuất trình bản chính một trong các loại giấy tờ tùy thân để đối chiếu;

b) Cơ sở cai nghiện ma túy tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, đối chiếu và tư vấn kế hoạch cai nghiện ma túy; thông tin về các dịch vụ cai nghiện ma túy hiện có tại cơ

sở, mức chi phí sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy của cơ sở, các khoản chi phí, đóng góp khác và chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện (nếu có);

c) Người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi và đại diện cơ sở cai nghiện ma túy thỏa thuận, thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy;

d) Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy phải được gửi: 01 bản cho người nghiện ma túy người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện đăng ký cai nghiện tự nguyện theo quy định.

Điều 36. Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy gồm các nội dung chính sau:

a) Chủ thể của hợp đồng: tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy với người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi về việc cung cấp, sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Đối tượng của hợp đồng (loại dịch vụ, hình thức cung cấp dịch vụ, thời gian, địa điểm sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy...);

c) Mức giá sử dụng dịch vụ, hình thức;

d) Quyền, nghĩa vụ của cơ sở cai nghiện, của người cai nghiện trong việc cung cấp, sử dụng dịch vụ cai nghiện;

đ) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; các trường hợp bồi thường thiệt hại, giảm chi phí sử dụng dịch vụ; các trường hợp đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ hoặc tiếp tục hợp đồng dịch vụ;

e) Thời điểm có hiệu lực, chấm dứt hợp đồng.

2. Hình thức hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy theo Mẫu số 28 Phụ lục II Nghị định này.

Điều 37. Thực hiện hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi có trách nhiệm:

a) Bảo đảm người cai nghiện ma túy có mặt tại cơ sở cai nghiện ma túy trong toàn bộ thời gian sử dụng dịch vụ theo hợp đồng đã ký kết;

b) Tuân thủ các nội quy, quy chế và các hướng dẫn, quy định nghiệp vụ của cơ sở cai nghiện ma túy;

c) Trả chi phí sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy theo hợp đồng.

2. Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, phân loại, tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện theo quy trình cai nghiện quy định tại Chương III Nghị định này. Tổ chức cai nghiện, cung cấp dịch vụ cai nghiện theo hợp đồng đã ký;

b) Thực hiện đúng các quy định về chuyên môn nghiệp vụ, chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ cung cấp;

c) Thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi người cai nghiện ma túy sử dụng dịch vụ hoặc tự ý chấm dứt việc sử dụng dịch vụ.

Điều 38. Kết thúc hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy

1. Trước khi kết thúc thời gian cung cấp dịch vụ cai nghiện theo hợp đồng, cơ sở cai nghiện đánh giá kết quả cai nghiện ma túy; phối hợp với người cai nghiện hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi để làm các thủ tục thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc (hoặc người đứng đầu) cơ sở cai nghiện ma túy cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện cho người nghiện ma túy theo Mẫu số 26b Phụ lục II Nghị định này.

Giấy xác nhận phải gửi cho người nghiện ma túy, cha, mẹ hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện đăng ký cai nghiện tự nguyện để thực hiện quản lý sau cai nghiện ma túy.

3. Đối với người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm thông báo, bàn giao người cai nghiện ma túy cho cha, mẹ hoặc người giám hộ, người đại diện hợp pháp.

Điều 39. Chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng sau:

- a) Thương binh;
- b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- c) Người thuộc hộ nghèo;
- d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa;
- đ) Trẻ em mồ côi;
- e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách và dự kiến số lượng người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý quyết định:

a) Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này;

b) Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Mức hỗ trợ chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

4. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật ngân sách nhà nước.

5. Nội dung chi, mức chi quy định tại Điều này theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương V
CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC

Mục 1
THỦ TỤC LẬP HỒ SƠ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP
XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 40. Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là hồ sơ đề nghị)

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng quy định tại Điều 32 Luật Phòng, chống ma túy, các cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 103 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

2. Việc xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống ma túy.

Điều 41. Thành phần hồ sơ đề nghị

1. Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định:

a) 01 bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 30 Phụ lục II Nghị định này;

b) 01 biên bản vi phạm một trong các hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký cai nghiện, cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, quản lý sau cai nghiện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo Mẫu số 27 Phụ lục II Nghị định này;

c) 01 bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền;

d) 01 bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 31 Phụ lục II Nghị định này;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc làm văn bản đề nghị theo Mẫu số 29 Phụ lục II Nghị định này kèm theo các tài liệu quy định tại điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều này và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định:

a) Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Văn bản xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định của cơ quan Công an có thẩm quyền.

Điều 42. Thông báo về việc lập hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, cơ quan lập hồ sơ quy định tại Điều 40 của Nghị định này thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, kèm 01 bản sao bộ hồ sơ theo Mẫu số 32 Phụ lục II Nghị định này gửi cho người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

2. Văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Họ và tên người vi phạm;

b) Lý do lập hồ sơ đề nghị;

c) Quyền của người được thông báo;

d) Thời gian đọc hồ sơ.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền đọc hồ sơ và ghi chép các nội dung cần thiết.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đọc hồ sơ

a) Công an cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị kèm hồ sơ cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp có hành vi vi phạm; Công an cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi văn bản đề nghị kèm hồ sơ cho Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đề nghị.

b) Hồ sơ đề nghị phải đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, bản sao lưu tại cơ quan lập hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 43. Trình tự xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của cơ quan lập hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, đối chiếu thành phần hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 41 của Nghị định này.

a) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trả lại cơ quan đã lập hồ sơ để bổ sung theo Mẫu số 33 Phụ lục II Nghị định này; thời hạn bổ sung là 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận lại hồ sơ.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi Tòa án nhân dân cùng cấp. Văn bản nêu rõ tên cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người bị đề nghị áp dụng biện pháp này sẽ phải thi hành theo Mẫu số 34 Phụ lục II Nghị định này;

b) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 41 của Nghị định này.

Hồ sơ đề nghị phải được đánh bút lục và lập thành 02 bản, bản gốc chuyển cho Tòa án nhân dân cấp huyện, bản sao lưu tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tòa án, Trường phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan lập hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 2

QUẢN LÝ NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY TRONG THỜI GIAN LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 44. Đối tượng quản lý

1. Người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bị áp dụng biện pháp quản lý bằng một trong hai hình thức quy định tại Điều 45 Nghị định này.

2. Thời hạn quản lý được tính từ thời điểm lập hồ sơ cho đến thời điểm người có thẩm quyền đưa đối tượng đi áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định của Tòa án.

3. Thời gian quản lý tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội đối với đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này được trừ vào thời hạn cai nghiện bắt buộc.

Điều 45. Hình thức quản lý

1. Quản lý tại gia đình được áp dụng đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định, gia đình (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, anh chị em ruột từ đủ 18 tuổi trở lên) đồng ý quản lý, đại diện gia đình xác nhận bằng văn bản theo Mẫu số 35 Phụ lục II Nghị định này

2. Quản lý tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở quản lý) được áp dụng đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định hoặc có nơi cư trú ổn định nhưng gia đình (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, anh chị em ruột từ đủ 18 tuổi trở lên) không đồng ý quản lý, đại diện gia đình xác nhận bằng văn bản theo Mẫu số 35 Phụ lục II Nghị định này.

Điều 46. Quyết định quản lý

1. Căn cứ quy định tại Điều 44, 45 Nghị định này, cơ quan lập hồ sơ quyết định giao quản lý người nghiện trong thời gian lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 36 Phụ lục II Nghị định này. Quyết định này phải được gửi ngay cho người nghiện ma túy, gia đình người nghiện ma túy, cơ sở quản lý để thực hiện.

2. Quyết định phải ghi rõ: ngày, tháng, năm quyết định; họ, tên, chức vụ của người quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được giao quản lý hoặc tên, địa chỉ của cơ sở quản lý; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được quản lý; lý do, thời hạn, trách nhiệm của người được quản lý, trách nhiệm của người hoặc cơ quan, tổ chức quản lý và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú.

Điều 47. Thi hành quyết định quản lý

1. Cơ quan ban hành quyết định quản lý có trách nhiệm đưa người nghiện ma túy đến cơ sở quản lý. Trường hợp người nghiện ma túy đang trong tình trạng rối loạn tâm thần hoặc mắc bệnh phải điều trị thì phải đưa đến cơ sở y tế để điều trị ổn định trước khi bàn giao cho cơ sở quản lý.

2. Hồ sơ bàn giao gồm:

- a) Quyết định quản lý theo quy định tại Điều 46 Nghị định này;
- b) Lý lịch tóm tắt của đối tượng, có xác nhận của cơ quan lập hồ sơ.

3. Thủ tục bàn giao:

- a) Đại diện cơ quan ban hành quyết định quản lý bàn giao người bị quản lý;
- b) Đại diện cơ sở quản lý đối chiếu người, hồ sơ và lập biên bản giao nhận theo Mẫu số 37 Phụ lục II Nghị định này. Biên bản phải được gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú hoặc nơi đối tượng có hành vi vi phạm, cơ quan lập hồ sơ.

Điều 48. Trách nhiệm của gia đình, cơ sở quản lý và người nghiện ma túy trong thời gian quản lý

1. Gia đình, cơ quan, tổ chức được giao quản lý người nghiện ma túy có trách nhiệm:

- a) Không để người được quản lý tiếp tục vi phạm pháp luật;
- b) Bảo đảm sự có mặt của người được quản lý khi có quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- c) Báo cáo kịp thời với cơ quan, người có thẩm quyền đã ra quyết định giao quản lý trong trường hợp người được quản lý bỏ trốn hoặc có hành vi vi phạm pháp luật;
- d) Cơ sở quản lý có trách nhiệm quản lý, giáo dục, tư vấn, điều trị hội chứng cai, điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh khác đối với người nghiện ma túy.

2. Người nghiện ma túy được quản lý có trách nhiệm:

- a) Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về tạm trú, tạm vắng; khi đi khỏi địa bàn xã, phường, thị trấn để ở lại địa phương khác phải thông báo cho gia đình, cơ quan, tổ chức được giao quản lý biết về địa chỉ, thời gian tạm trú tại đó;
- b) Có mặt tại trụ sở của cơ quan lập hồ sơ khi được yêu cầu.
- c) Tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở quản lý.

3. Cơ quan ban hành quyết định quản lý người nghiện ma túy có trách nhiệm:

- a) Thông báo cho gia đình, cơ sở quản lý và người nghiện ma túy về quyền và nghĩa vụ của họ trong thời gian quản lý;
- b) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ gia đình, cơ sở quản lý trong việc giám sát người nghiện ma túy trong thời gian quản lý;
- c) Khi được thông báo về việc người nghiện ma túy bỏ trốn hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, cơ quan quyết định quản lý phải có biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Khi được thông báo về việc người nghiện ma túy bỏ trốn, cơ quan ban hành quyết định quản lý phải phối hợp với cơ sở quản lý, gia đình người nghiện để truy tìm, áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật để đưa đối tượng về nơi quản lý.

Trường hợp người nghiện ma túy được giao gia đình quản lý mà bỏ trốn thì cơ quan ban hành quyết định hủy quyết định quản lý người nghiện ma túy tại gia đình và áp dụng hình thức quản lý tại cơ sở quản lý.

Điều 49. Bảo đảm cơ sở vật chất, nhân sự cho việc quản lý người nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội, chế độ đối với người bị quản lý

1. Căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cho cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội được giao quản lý người nghiện ma túy trong thời gian làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Nghị định này; bố trí khu vực dành riêng để thực hiện việc quản lý.

3. Trong thời gian quản lý tại cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội, người nghiện ma túy được hưởng các chế độ ăn, ở, sinh hoạt, hỗ trợ y tế như đối tượng thuộc cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc trung tâm, cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội.

Mục 3

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHIỆN
MA TÚY TỪ ĐỦ 12 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI**

Điều 50. Lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi phát hiện người nghiện ma túy thuộc đối tượng quy định tại Điều 33 Luật Phòng, chống ma túy, các cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống ma túy.

Điều 51. Thành phần hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi có nơi cư trú ổn định:

a) 01 biên bản vi phạm một trong các hành vi vi phạm pháp luật về đăng ký cai nghiện, cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo Mẫu số 27 Phụ lục II Nghị định này;

b) 01 bản lý lịch tóm tắt của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 30 Phụ lục II Nghị định này;

c) 01 bản sao Phiếu kết quả xác định tình trạng nghiện ma túy của cơ quan có thẩm quyền;

d) 01 bản tường trình của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc bản tường trình của người đại diện hợp pháp của họ theo Mẫu số 31 Phụ lục II Nghị định này;

đ) 01 bản ý kiến bằng văn bản của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp theo Mẫu số 38 Phụ lục II Nghị định này;

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc làm văn bản đề nghị theo Mẫu số 29 Phụ lục II Nghị định này kèm theo các tài liệu quy định tại điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều này và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi không có nơi cư trú ổn định:

a) Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Văn bản xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định của cơ quan Công an có thẩm quyền.

3. Đối với người nghiện ma túy người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi do cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật:

a) Các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Điều 52. Thông báo về việc lập hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị

Trình tự, thủ tục, nội dung thông báo về việc lập hồ sơ, chuyển hồ sơ đề nghị đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Nghị định này.

Điều 53. Trình tự xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trình tự xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi:

a) Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi gửi Tòa án nhân dân cấp huyện theo Mẫu số 39 Phụ lục II Nghị định này. Nội dung văn bản đề nghị phải nêu rõ tên cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người bị đề nghị áp dụng biện pháp này sẽ phải thi hành; điều kiện, hoàn cảnh gia đình, thân nhân của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, đề xuất phương án quản lý đối với từng trường hợp cụ thể để bảo đảm các quyền của trẻ em trong thời gian cai nghiện ma túy.

b) Hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 51 Nghị định này.

Hồ sơ đề nghị phải được đánh bút lục và lập thành 02 bản, bản gốc chuyển cho Tòa án nhân dân cấp huyện, bản sao lưu tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tòa án, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với cơ quan lập hồ sơ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Mục 4

THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 54. Đưa người phải chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi (sau đây gọi chung là quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc)

1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Trường hợp người nghiện ma túy không chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ quan Công an cấp huyện quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết theo quy định của pháp luật để đưa người phải chấp hành đến cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cơ sở cai nghiện không còn khả năng tiếp nhận đối tượng thì thời hạn được phép kéo dài không quá 03 tháng. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân cấp huyện đã ra quyết định biết và nêu rõ lý do.

Điều 55. Thủ tục tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bố trí địa điểm, trang thiết bị, nhân sự để thực hiện việc tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Khi tiếp nhận, cơ sở phải kiểm tra, đối chiếu người với hồ sơ tiếp nhận, giấy tờ tùy thân của người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; kiểm tra sơ bộ tình trạng sức khỏe và lập biên bản giao, nhận giữa cơ quan Công an cấp huyện và cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Biên bản giao, nhận ghi rõ tình trạng sức khỏe; số lượng tài liệu, hồ sơ; tư trang, đồ dùng cá nhân của người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 40 Phụ lục II Nghị định này.

3. Hồ sơ tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm:

a) Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi của Tòa án nhân dân cấp huyện;

b) Bản sao lý lịch tóm tắt của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do cơ quan lập hồ sơ cung cấp.

4. Đối với người cai nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, cơ sở phải bố trí địa điểm, trang thiết bị, nhân sự tiếp nhận phù hợp độ tuổi, giới tính của trẻ em.

Điều 56. Truy tìm đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn

1. Người đã có quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi được đưa vào cơ sở, thì cơ quan Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ ra quyết định truy tìm đối tượng theo Mẫu số 41 Phụ lục II Nghị định này.

2. Người đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm đối tượng. Cơ quan Công an cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện đóng trụ sở có trách nhiệm phối hợp với cơ sở cai nghiện bắt buộc trong việc truy tìm đối tượng để đưa người đó trở lại cơ sở.

3. Trường hợp tìm được người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn nhưng không tự nguyện chấp hành việc trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì cơ quan Công an cấp huyện áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm tiếp tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 57. Hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

a) Đang ốm nặng, có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên;

b) Gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận trên cơ sở ý kiến đề nghị của Công an cấp xã.

2. Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành. Công an cấp xã có trách nhiệm thu thập thông tin, tài liệu để xác định thời điểm các điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn.

3. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

a) Mắc bệnh hiểm nghèo có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên;

b) Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định quy định tại Khoản 1 Điều này mà người đó tự nguyện cai nghiện, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận không nghiện ma túy;

c) Phụ nữ đang mang thai có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện trở lên.

4. Hồ sơ đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định gồm:

a) Đơn đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định của người phải chấp hành hoặc cha, mẹ, người giám hộ, người đại diện hợp pháp của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, có xác nhận của cơ quan lập hồ sơ theo Mẫu số 42a, 42b Phụ lục II Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hoãn, miễn chấp hành quyết định theo quy định tại Khoản 1 và 3 Điều này.

5. Thủ tục đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định:

a) Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện của Tòa án nhân dân cấp huyện, người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chấp hành quyết định gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hoãn, miễn theo quy định tại Khoản 4 Điều này đến Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để xem xét, giải quyết theo quy định;

b) Người phải chấp hành quyết định hoặc cha, mẹ, người giám hộ, người đại diện hợp pháp phải gửi 01 bộ bản sao hồ sơ đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định cho cơ quan Công an cấp huyện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

Điều 58. Đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Điều kiện giảm thời hạn cai nghiện bắt buộc:

a) Giảm thời hạn từ 01 đến 03 tháng đối với người đã chấp hành một nửa thời gian cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện, có ít nhất 03 tháng gần nhất được xếp loại từ khá trở lên quy chế quản lý, đánh giá kết quả học tập, cai nghiện tại cơ sở;

b) Giảm thời hạn từ 03 đến 06 tháng đối với người đã chấp hành một nửa thời gian cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện, lập công, có ít nhất 03 tháng gần nhất được xếp loại từ khá trở lên theo quy chế quản lý, đánh giá kết quả học tập, cai nghiện tại cơ sở.

2. Điều kiện tạm đình chỉ thi hành quyết định:

Người ốm nặng phải điều trị nội trú hơn 10 ngày tại cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên. Trường hợp người ốm nặng sau khi sức khỏe phục hồi mà thời hạn chấp hành quyết định còn từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành.

3. Điều kiện miễn chấp hành phần thời gian thi hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Người trong thời gian tạm đình chỉ thi hành quyết định nếu người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công;

b) Người mắc bệnh hiểm nghèo phải điều trị lâu dài từ 06 tháng trở lên;

c) Phụ nữ mang thai;

d) Người từ đủ 14 tuổi trở lên đang cai nghiện bắt buộc mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc và bị Tòa án xử phạt tù nhưng không được hưởng án treo thì được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 43 Phụ lục II Nghị định này;

b) Danh sách người đang chấp hành được đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại theo Mẫu số 44 Phụ lục II Nghị định này;

c) Các tài liệu chứng minh người đang chấp hành quyết định thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.

5. Trình tự thực hiện:

a) Định kỳ 03 tháng hoặc khi có đối tượng quy định tại Khoản 2, 3 Điều này, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm rà soát, lập hồ sơ, danh sách

đối tượng đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Hồ sơ đề nghị, danh sách đối tượng được đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được niêm yết, thông báo công khai đối với toàn thể người cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ít nhất 05 ngày làm việc;

c) Sau thời hạn niêm yết, thông báo công khai, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều này tới Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để xem xét, giải quyết.

Điều 59. Tạm thời đưa người cai nghiện ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự

1. Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định theo Mẫu số 45 Phụ lục II Nghị định này và đưa ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc để tham gia tố tụng trong các vụ án có liên quan đến người đó.

Yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải thể hiện bằng văn bản gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc trước khi đưa người đang chấp hành quyết định ra khỏi cơ sở. Văn bản yêu cầu phải có các nội dung sau: họ tên người cai nghiện, lý do và thời gian đưa người cai nghiện ra khỏi cơ sở.

2. Cơ quan có yêu cầu đưa người cai nghiện ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu trách nhiệm đưa người cai nghiện đi và đưa người cai nghiện trở lại cơ sở đúng thời hạn đã ghi trong quyết định tạm đình chỉ đưa người cai nghiện ra khỏi cơ sở. Khi giao, nhận người cai nghiện phải lập biên bản theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp cần gia hạn thì Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền phải có văn bản đề nghị Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc về việc gia hạn.

Điều 60. Lập hồ sơ đưa vào cơ sở giáo dục đối với người bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vi phạm pháp luật tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời gian đang chấp hành quyết định, người cai nghiện có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục gửi Trưởng Công an cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở.

2. Thủ tục lập hồ sơ đề nghị đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính về áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

Điều 61. Giải quyết trường hợp người cai nghiện chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời gian đang chấp hành quyết định, nếu người cai nghiện bị chết thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện đóng trụ sở, cơ quan y tế gần nhất và thân nhân người cai nghiện ma túy để lập biên bản xác nhận nguyên nhân chết. Việc lập biên bản phải có người cai nghiện làm chứng.

Trong trường hợp người cai nghiện chết không có thân nhân hoặc sau 24 giờ kể từ khi thông báo mà thân nhân của người cai nghiện chết không có mặt thì lập biên bản có sự chứng kiến của 02 người cai nghiện.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm thông báo ngay cho thân nhân người cai nghiện chết biết để mai táng. Trường hợp không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức mai táng. Kinh phí mai táng do Nhà nước bảo đảm; mức hỗ trợ chi phí mai táng tối thiểu bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 62. Hết thời hạn đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Chậm nhất là mười lăm ngày trước khi hết thời hạn đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm thông báo cho Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập hồ sơ, đại diện gia đình (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, anh chị em ruột), người đại diện theo pháp luật của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi biết ngày người cai nghiện hết thời hạn chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc.

2. Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Mẫu số 46 Phụ lục II Nghị định này và gửi bản sao cho Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện cư trú, đại diện gia đình (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, anh chị em ruột), người đại diện theo pháp luật của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

3. Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đã chấp hành xong quyết định mà không có gia đình đến đón thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm đưa về bàn giao tại gia đình hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện cư trú theo Mẫu số 47 Phụ lục II Nghị định này.

4. Người đã chấp hành xong quyết định được nhận lại tiền và đồ vật gửi lưu ký, các văn bằng, chứng chỉ học văn hóa, học nghề (nếu có); được cấp tiền tàu xe, tiền ăn đường và một bộ quần áo thường (nếu họ không có) và phải trả lại chiếu, chăn, màn và vật dụng, trang thiết bị dùng cho việc học tập, lao động, sinh hoạt đã được cơ sở cai nghiện bắt buộc cho mượn; nếu làm mất thì phải bồi thường.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày về địa phương, người đã chấp hành xong quyết định phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cùng cấp nơi mình cư trú.

Điều 63. Thủ tục chuyển người chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc vào cơ sở bảo trợ xã hội

1. Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc báo cáo Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, lập hồ sơ đề nghị đưa đối tượng vào cơ sở bảo trợ xã hội nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở đối với các đối tượng sau:

a) Người sau cai nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi không rõ cha, mẹ, không có nơi nương tựa hoặc không xác định được nơi cư trú;

b) Người sau cai nghiện ốm yếu không có khả năng lao động, không xác định được nơi cư trú.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị đưa người chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc vào cơ sở bảo trợ xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo trợ xã hội.

Mục 5

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC

Điều 64. Chế độ quản lý

1. Người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi chung là người cai nghiện) phải cai nghiện, học tập, lao động và sinh hoạt dưới sự quản lý, giám sát của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Căn cứ vào quy mô của cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn chấp hành quyết định, đặc điểm nhân thân, tình trạng nghiện ma túy, tình trạng sức khỏe, giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn của người cai nghiện, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc sắp xếp vào đội, tổ phù hợp với yêu cầu của công tác quản lý, cai nghiện. Mỗi đội, tổ phải có người của cơ sở cai nghiện trực tiếp phụ trách.

3. Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng quy chế quản lý, đánh giá kết quả học tập, cai nghiện tại cơ sở và tổ chức thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Kết quả đánh giá người cai nghiện là cơ sở để xem xét, đề nghị giảm thời hạn, miễn thời gian chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc.

Điều 65. Chế độ ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân

1. Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2. Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với người cai nghiện nữ hàng năm của người cai nghiện bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành.

3. Các định mức quy định tại Khoản 1 Khoản 2 Điều này là mức tối thiểu, căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh định mức cho phù hợp.

Điều 66. Chế độ cai nghiện ma túy

1. Người cai nghiện được cai nghiện, phục hồi, trị liệu về tâm lý, sức khỏe theo quy trình, các dịch vụ hỗ trợ cai nghiện ma túy do cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức.

2. Căn cứ quy trình cai nghiện quy định tại Chương III Nghị định này và điều kiện cơ sở vật chất, nhân sự hiện có của cơ sở cai nghiện, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình cai nghiện, các dịch vụ hỗ trợ cai nghiện theo quy định.

Điều 67. Chế độ khám, chữa bệnh

1. Cơ sở cai nghiện bắt buộc phải định kỳ sáu tháng một lần tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe cho người cai nghiện và thường xuyên có biện pháp đề phòng dịch bệnh; phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm cho người cai nghiện.

2. Người cai nghiện bị ốm được điều trị tại phòng y tế của cơ sở cai nghiện. Trường hợp người cai nghiện bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện thì được đưa đi bệnh viện hoặc đưa về gia đình để điều trị. Giám đốc cơ sở cai nghiện phải báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và thông báo cho cha, mẹ hoặc người giám hộ của người cai nghiện.

3. Chi trả chi phí điều trị:

a) Trường hợp người cai nghiện được tạm đình chỉ thi hành quyết định đưa về gia đình điều trị, thì gia đình phải chi trả toàn bộ kinh phí khám, chữa bệnh.

b) Trường hợp người cai nghiện có bảo hiểm y tế thì kinh phí khám, chữa bệnh cho người cai nghiện do bảo hiểm y tế chi trả theo quy định. Trường hợp người cai nghiện không có bảo hiểm y tế thì kinh phí khám, chữa bệnh cho người cai nghiện do ngân sách nhà nước đảm bảo trong dự toán chi của cơ sở cai nghiện ma túy. Cơ sở cai nghiện bắt buộc trực tiếp thanh toán tiền viện phí cho bệnh viện nơi người cai nghiện được điều trị.

c) Trường hợp người cai nghiện bị thương tích do tai nạn lao động, thiên tai, hỏa hoạn thì cơ sở cai nghiện phải tổ chức điều trị và làm thủ tục để thực hiện chế độ trợ cấp theo quy định.

4. Trong thời gian điều trị tại bệnh viện, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm quản lý chặt chẽ, không để người cai nghiện trốn hoặc vi phạm pháp luật. Thời gian điều trị bệnh của người cai nghiện được tính vào thời gian chấp hành quyết định. Một ngày điều trị bệnh được tính bằng một ngày chấp hành quyết định.

Điều 68. Chế độ lao động, lao động trị liệu

1. Thời gian lao động, lao động trị liệu của người cai nghiện ma túy không quá 08 giờ trong một ngày và không quá 48 giờ trong một tuần.

2. Trường hợp cơ sở cai nghiện tổ chức lao động hoặc phối hợp với người sử dụng lao động để tổ chức lao động thì phải đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật lao động; người cai nghiện phải đăng ký với cơ sở cai nghiện và được hưởng thành quả của lao động theo quy định.

Điều 69. Chế độ thăm gặp người thân, nhận, gửi thư, nhận tiền, quà của người cai nghiện

1. Người cai nghiện được thăm gặp người thân tại phòng thăm gặp của cơ sở cai nghiện bắt buộc, một tuần một lần, mỗi lần không quá 02 giờ và tối đa không quá 03 thân nhân. Trường hợp gặp lâu hơn phải được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc đồng ý và tối đa không quá 04 giờ.

Người cai nghiện có vợ hoặc chồng, được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, cho phép thăm gặp tại phòng riêng của cơ sở cai nghiện bắt buộc một lần trong tháng và tối đa không quá 48 giờ cho một lần gặp. Căn cứ quy mô và điều kiện, cơ sở cai nghiện xây dựng, tổ chức phòng riêng để học viên thăm gặp vợ hoặc chồng.

2. Cơ sở cai nghiện xây dựng quy chế thăm gặp theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Người cai nghiện được nhận và gửi thư, nhận tiền, quà (trừ rượu, bia, thuốc lá, các chất kích thích, đồ vật và các loại văn hóa phẩm bị cấm). Cơ sở cai nghiện có trách nhiệm kiểm tra thư và các loại quà trước khi trao cho người cai nghiện. Riêng tiền hoặc giấy tờ có giá, người cai nghiện phải gửi vào bộ phận lưu ký của cơ sở cai nghiện bắt buộc và được sử dụng theo quy chế của cơ sở cai nghiện.

Điều 70. Chế độ chịu tang

1. Khi bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con chết thì người cai nghiện được phép về để chịu tang. Thời gian về chịu tang tối đa là 05 ngày, không bao gồm thời gian đi đường và được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

2. Trình tự thủ tục giải quyết chế độ chịu tang:

a) Gia đình người cai nghiện làm đơn đề nghị cho người cai nghiện về chịu tang, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người cai nghiện cư trú gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nội dung đơn phải bao gồm các nội dung: họ tên, số căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân, nơi cư trú, mối quan hệ với người cai nghiện, thời gian đề nghị cho người cai nghiện được về chịu tang và cam kết quản lý, giám sát không để người cai nghiện sử dụng ma túy trái phép hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác trong thời gian về chịu tang theo Mẫu số 48 Phụ lục II Nghị định này.

b) Trong thời hạn 01 ngày kể từ khi nhận đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Giám đốc cơ sở cai nghiện có trách nhiệm xem xét, quyết định việc cho người cai nghiện về chịu tang.

Quyết định cho phép về chịu tang phải gồm các nội dung: họ tên, thời gian được về chịu tang; trách nhiệm của gia đình trong việc đón, đưa trả về cơ sở cai nghiện, quản lý người cai nghiện trong thời gian về chịu tang. Quyết định được gửi cho gia đình người cai nghiện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để phối hợp quản lý và lưu trong hồ sơ người cai nghiện theo Mẫu số 49 Phụ lục II Nghị định này.

3. Gia đình người cai nghiện có trách nhiệm đón người cai nghiện về và bàn giao người cai nghiện lại cho cơ sở cai nghiện bắt buộc khi hết thời gian chịu tang, mọi chi phí đưa, đón người cai nghiện do gia đình người cai nghiện chi trả. Việc giao và nhận người cai nghiện giữa cơ sở cai nghiện bắt buộc với gia đình phải được lập thành biên bản, lưu hồ sơ của người cai nghiện.

4. Cơ sở cai nghiện phải kiểm tra sức khỏe, tình trạng sử dụng ma túy khi tiếp nhận người cai nghiện. Trường hợp quá thời hạn được nghỉ chịu tang mà người cai

nghiện không trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Chế độ khen thưởng, kỷ luật

1. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người cai nghiện có tiến bộ hoặc có thành tích xuất sắc thì được khen thưởng bằng một trong các hình thức sau:

- a) Biểu dương khen thưởng;
- b) Đề nghị giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại;
- c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người cai nghiện có hành vi gây rối trật tự, vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy chưa đến mức bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì bị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau:

- a) Phê bình;
- b) Cảnh cáo;
- c) Đưa vào quản lý tại khu dành riêng đối với người có hành vi gây rối trật tự, vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy.

3. Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ban hành quy chế khen thưởng, kỷ luật đối với người cai nghiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Mục 6

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI TỪ ĐỦ 12 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC

Điều 72. Chế độ quản lý; ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân; cai nghiện, hỗ trợ phục hồi; khám, chữa bệnh; thăm gặp người thân, nhận, gửi thư, nhận tiền, quà; chế độ chịu tang; khen thưởng, kỷ luật

1. Các chế độ: quản lý; ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân; cai nghiện, hỗ trợ phục hồi; khám, chữa bệnh; thăm gặp người thân, nhận, gửi thư, nhận tiền, quà;

chế độ chịu tang; khen thưởng, kỷ luật đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi được thực hiện như đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Mục 5 Chương V của Nghị định này.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc phải xây dựng, tổ chức thực hiện các dịch vụ hỗ trợ theo quy trình cai nghiện phù hợp với độ tuổi, sức khỏe của người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Điều 73. Chế độ học văn hoá

1. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được học văn hoá theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc học văn hoá đối với người chưa phổ cập giáo dục tiểu học là bắt buộc; đối với các bậc học khác thì tùy thuộc khả năng và điều kiện thực tế của cơ sở cai nghiện bắt buộc để tổ chức dạy, học theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo tại địa phương tổ chức thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp và cấp văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc giảng dạy và học tập tại cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 74. Chế độ lao động trị liệu

1. Người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tham gia lao động trị liệu theo quy trình cai nghiện do cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức, thì thời gian lao động trị liệu như sau:

a) Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 15 tuổi thì thời gian lao động không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 20 giờ trong một tuần.

b) Đối với người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thì thời gian lao động không quá 06 giờ trong một ngày và không quá 30 giờ trong một tuần.

2. Khi tổ chức lao động trị liệu, cơ sở cai nghiện phải bố trí công việc, nơi làm việc cho người cai nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định của Bộ Luật lao động và bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

Mục 7**ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC ÁP DỤNG, THI HÀNH BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC THUỘC CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC****Điều 75. Điều kiện bảo đảm cho việc áp dụng, thi hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc**

1. Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, tổ chức hoạt động của cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định hiện hành về cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Kinh phí lập hồ sơ, tổ chức đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm đối tượng bỏ trốn; kinh phí bảo đảm ăn, mặc, ở, học tập, học nghề, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phòng bệnh, khám, chữa bệnh của người cai nghiện; kinh phí tổ chức đưa người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi chấp hành xong quyết định về địa phương mà không có thân nhân đến đón và các khoản kinh phí khác phục vụ cho việc áp dụng, thi hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp của Luật Ngân sách.

3. Cơ sở cai nghiện bắt buộc được tiếp nhận sự giúp đỡ về vật chất, chuyên môn, kỹ thuật của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước; được tham gia hợp đồng, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật để tạo nguồn kinh phí hỗ trợ cho việc mua sắm trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng phục vụ học tập, sinh hoạt, khám, chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy cho người đang chấp hành quyết định.

Điều 76. Chế độ đối với viên chức, người lao động làm việc tại các Cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc được hưởng trợ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi theo nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nhân sự do cơ quan công an, y tế được điều động, cử đến làm việc, hỗ trợ tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 06 tháng trở lên được hưởng các chế độ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Viên chức, người lao động trong cơ sở cai nghiện bắt buộc được trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ hỗ trợ, trang phục thống nhất để thực hiện nhiệm vụ cai nghiện ma túy, quản lý học viên theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Chế độ quy định Khoản 1, 2 Điều theo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VI

QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI NƠI CƯ TRÚ

Điều 77. Lập hồ sơ, thủ tục đề nghị quản lý sau cai nghiện ma túy

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày người nghiện ma túy trình báo về việc hoàn thành cai nghiện tự nguyện, hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sau cai nghiện ma túy cư trú hoặc nơi phát hiện hành vi vi phạm (đối với người nghiện không có nơi cư trú ổn định) lập hồ sơ, đưa vào danh sách quản lý sau cai nghiện ma túy.

Công an cấp xã giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp lập hồ sơ quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này.

2. Hồ sơ quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú gồm:

a) Văn bản đề nghị của Trưởng cơ quan Công an cấp xã gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp theo Mẫu số 50 Phụ lục II Nghị định này;

b) Bản lý lịch tóm tắt của người bị đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện theo Mẫu số 30 Phụ lục II Nghị định này, kèm theo một trong các loại giấy tờ sau: giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện; giấy xác nhận hoàn thành điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; giấy xác nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 78. Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trưởng cơ quan Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Mẫu số 51 Phụ lục II Nghị định này.

2. Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú phải ghi rõ ngày, tháng, năm ký quyết định; họ, tên, chức vụ của người ký quyết định; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú của người bị quản lý sau cai nghiện; thời hạn và nơi thi hành quyết định, cơ quan có trách nhiệm thi hành quyết định.

3. Quyết định phải gửi cho người sau cai nghiện hoặc đại diện gia đình người sau cai nghiện, người đại diện theo pháp luật đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, Trưởng Công an cấp xã, công chức phụ trách công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã.

Điều 79. Chế độ quản lý sau cai nghiện ma túy

1. Quản lý cư trú đối với người sau cai nghiện ma túy:

a) Công an cấp xã giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập danh sách người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Mẫu số 52 Phụ lục II Nghị định này;

b) Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy khi vắng mặt tại nơi cư trú phải báo cáo với Công an cấp xã, nói rõ lý do vắng mặt, thời gian vắng mặt. Trường hợp không báo cáo thì thời gian vắng mặt không được tính vào thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy;

c) Khi người bị quản lý sau cai nghiện ma túy thay đổi nơi cư trú thì công an cấp xã nơi chuyển đi có trách nhiệm thông báo cho công an cấp xã nơi chuyển đến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày người đó chuyển khỏi địa phương để đưa vào danh sách và phối hợp quản lý theo Mẫu số 53 Phụ lục II Nghị định này.

2. Tư vấn, giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy:

a) Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy được giúp đỡ, phòng, chống tái nghiện ma túy trong thời gian quản lý sau cai nghiện ma túy;

b) Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy được tư vấn, trợ giúp về tâm lý, các thủ tục pháp lý; hướng dẫn làm thủ tục đăng ký cư trú, cấp căn cước công dân, cấp

phiếu lý lịch tư pháp; hướng dẫn chấp hành pháp luật, nghĩa vụ công dân; hỗ trợ kinh phí, cho vay vốn, tổ chức học tập, dạy nghề, tìm kiếm, giới thiệu việc làm; tạo các điều kiện cần thiết khác giúp người sau cai nghiện ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng, phòng, chống tái nghiện;

c) Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức xét nghiệm chất ma túy đối với người sau cai nghiện ma túy.

3. Căn cứ vào điểm a, b và c Khoản 2 Điều này và điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong quyết định; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý đối với người sau cai nghiện có hành vi vi phạm pháp luật, sử dụng ma túy trái phép.

Điều 80. Chính sách hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy

1. Người bị quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tiếp tục đi học ở các bậc học phổ thông tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Thủ tục miễn giảm được thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Người sau cai nghiện khi tham gia đào tạo nghề nghiệp được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo quy định của pháp luật về đào tạo nghề ngắn hạn.

3. Người sau cai nghiện được vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm, được ưu tiên đăng ký tham gia chính sách việc làm công theo quy định của pháp luật về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

Căn cứ tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sử dụng các nguồn tín dụng khác để hỗ trợ cho vay ưu đãi đối với người sau cai nghiện để phát triển sản xuất, tạo việc làm.

4. Căn cứ vào Khoản 1, 2, 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở nhu cầu hỗ trợ của người sau cai nghiện; hướng dẫn, hỗ trợ người sau cai nghiện hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị theo quy định của pháp luật.

Điều 81. Hết thời hạn quản lý sau cai nghiện

Khi hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú theo Mẫu số 54 Phụ lục II Nghị định này và đưa người bị quản lý ra khỏi danh sách quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

Điều 82. Điều kiện bảo đảm cho việc quản lý sau cai nghiện

1. Kinh phí bảo đảm cho lập hồ sơ, tổ chức quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú; kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ xã hội đối với người sau cai nghiện và các khoản kinh phí khác phục vụ cho việc quản lý sau cai nghiện do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp của Luật Ngân sách.

2. Nội dung chi, mức chi cho việc lập hồ sơ, tổ chức quản lý sau cai nghiện ma túy; mức chi hỗ trợ xã hội đối với người sau cai nghiện ma túy theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VII**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
TRONG VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CAI NGHIỆN MA TÚY****Điều 83. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. Chỉ đạo ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các địa phương, các cơ sở cai nghiện bắt buộc trong phạm vi cả nước tổ chức thực hiện công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện tự nguyện; biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện tự nguyện; biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn việc thành lập, tổ chức hoạt động; vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, định mức số lượng người làm việc của cơ sở cai nghiện bắt buộc; ban hành các văn bản hướng dẫn, nội quy cơ sở cai nghiện bắt buộc để tổ chức thực hiện; xây dựng, ban hành các tài liệu chuyên môn về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

4. Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành khác có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy.

5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy (quản lý người cai nghiện, sau cai nghiện ma túy, mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc, cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện); triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

6. Thực hiện chế độ thống kê, thông tin, báo cáo về cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

7. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan

1. Bộ Công an

a) Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan Công an các cấp trong việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; phối hợp tổ chức đưa người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm đối tượng bỏ trốn theo quy định; phối hợp đảm bảo an ninh trật tự tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc khi có yêu cầu; phối hợp thực hiện công tác quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú;

b) Chỉ đạo Công an địa phương tổ chức đào tạo, tập huấn về công tác bảo vệ, sử dụng công cụ hỗ trợ, áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm quy chế, nội quy của người cai nghiện, cấp giấy chứng nhận cho lực lượng bảo vệ của các cơ sở cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Y tế

a) Nghiên cứu các bài thuốc và phương pháp cai nghiện ma túy;

b) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc phòng, chống dịch bệnh, khám, chữa bệnh và khám sức khỏe định kỳ cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc tổ chức dạy và học tại cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra chất lượng học tập, tổ chức thi và cấp văn bằng, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình học cho người cai nghiện; thực hiện các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người sau cai nghiện ma túy.

4. Bộ Tài chính:

a) Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương để thực hiện công tác áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện và quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

b) Quy định, hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

5. Bộ Nội vụ:

Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng tôn giáo các cấp theo chức năng chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn về cai nghiện ma túy và các cơ quan liên quan cùng cấp hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân tôn giáo tham gia hoạt động cai nghiện ma túy.

Điều 85. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự cho các cơ sở cai nghiện công lập; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự để tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện

tại gia đình và cộng đồng theo quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan khác. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút người vào làm việc tại các cơ sở cai nghiện công lập; chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia công tác cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động làm công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy; chỉ đạo các cơ sở bảo trợ xã hội trong việc tiếp nhận đối tượng không xác định được nơi cư trú là người chưa thành niên hoặc người ốm yếu không còn khả năng lao động khi chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các cơ quan chức năng có liên quan của địa phương thực hiện công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy; giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo trong việc tổ chức cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở cai nghiện hoạt động trên địa bàn và có chính sách hỗ trợ những người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tìm việc làm, sớm ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

4. Xử lý kỷ luật kịp thời, nghiêm minh đối với người có sai phạm trong việc tổ chức thực hiện công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy thuộc phạm vi quản lý.

5. Hàng năm, bố trí kinh phí cho việc tổ chức thực hiện công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy; kinh phí hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện theo quy định tại Nghị định này.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 86. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

- Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.

- Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

- Nghị định số 94/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;

- Chương III của Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh

doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 87. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy phép hoạt động đã được cấp cho cơ sở cai nghiện tự nguyện trước khi Nghị định này có hiệu lực thì còn giá trị cho đến hết thời hạn của giấy phép. Sau khi hết thời hạn, cơ sở cai nghiện tự nguyện phải thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động theo quy định của Nghị định này.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, người phụ trách y tế của cơ sở cai nghiện ma túy quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 8 Nghị định này phải là bác sĩ đã được đào tạo, tập huấn về xác định tình trạng nghiện, điều trị và cai nghiện ma túy.

Điều 88. Biểu mẫu sử dụng trong cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy

1. Ban hành kèm theo Nghị định này danh mục trang thiết bị phục vụ công tác cai nghiện ma túy (Phụ lục I) và Danh mục các mẫu, biểu để sử dụng thống nhất trong việc tổ chức thực hiện công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy (Phụ lục II).

2. Các trang thiết bị trong danh mục tại Phụ lục I Nghị định này là tối thiểu, căn cứ quy mô tiếp nhận của cơ sở cai nghiện ma túy công lập, điều kiện thực tế của địa phương để bố trí phù hợp, bảo đảm yêu cầu của công tác cai nghiện ma túy.

Điều 89. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam

Phụ lục I
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN TỐI THIỂU
CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

*(Kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP
ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)*

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
A	TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO VIỆC THỰC HIỆN QUY TRÌNH CAI NGHIỆN		
I	Trang thiết bị thực hiện các hoạt động tiếp nhận, phân loại người cai nghiện		
1	Bàn làm việc (đón tiếp)	Cái	01
2	Điện thoại	Cái	01
3	Máy vi tính + Máy in	Bộ	02
4	Ti vi	Cái	01
5	Ghế băng	Cái	02
6	Máy bộ đàm	Bộ	01
7	Giá để hồ sơ	Cái	01
8	Ghế đơn	Cái	02
9	Điều hòa nhiệt độ	Cái	01
10	Máy lọc nước	Chiếc	01
11	Tủ đựng tài liệu	Cái	01
12	Bảng ghi thông tin, hoạt động	Cái	01
II	Trang thiết bị y tế thực hiện các hoạt động điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác	Phòng	
1	Giường bệnh	Cái	02
1	Giường cấp cứu	Cái	01
2	Tủ đầu giường	Cái	02
3	Bàn khám bệnh	Cái	01
4	Đèn bàn khám bệnh	Cái	01

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
5	Huyết áp kế	Cái	01
6	Ổng nghe bệnh	Cái	01
7	Nhiệt kế	Cái	01
8	Máy hút đờm dịch	Cái	01
9	Máy điều trị viêm mũi	Cái	01
10	Máy hủy bơm kim tiêm	Cái	01
11	Máy hút ẩm	Cái	01
12	Máy xông mũi họng	Cái	01
13	Máy điện châm	Cái	01
14	Bộ dụng cụ châm cứu	Bộ	01
15	Bộ dụng cụ khám nha, tai, mũi, họng	Bộ	01
16	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	01
17	Tủ sấy dụng cụ tiệt trùng	Cái	01
18	Bình ô xy kèm mặt nạ thở	Cái	01
19	Đèn soi bóng đồng tử	Cái	01
20	Đèn đội đầu soi tai, mũi, họng	Cái	01
21	Tủ bảo quản thuốc	Cái	01
22	Hệ thống lọc nước công nghiệp	Hệ thống	01
23	Kính hiển vi	Cái	01
24	Búa thử phản xạ	Cái	01
25	Bóp bóng người lớn	Cái	01
26	Bàn tiểu phẫu	Cái	01
27	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	01
28	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	Bộ	01
29	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	01
30	Bộ dụng cụ thụt tháo	Bộ	01
31	Cọc treo dịch truyền inox	Cái	01
32	Túi cấp cứu	Cái	01
33	Dây cố định bệnh nhân	Cái	01

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
34	Túi chườm nóng lạnh	Chiếc	01
35	Vòi rửa mắt khẩn cấp	Cái	01
36	Cân trọng lượng có thước đo chiều cao	Cái	01
37	Bàn để dụng cụ	Cái	01
38	Cáng tay	Cái	01
39	Cáng đũa	Cái	01
40	Xe đẩy cấp phát thuốc	Cái	01
41	Tủ đựng thuốc cấp cứu	Cái	01
42	Khay quả đậu 825ml thép không gỉ	Cái	01
43	Khay quả đậu 475ml thép không gỉ	Cái	01
44	Khay đựng dụng cụ nông	Cái	01
45	Khay đựng dụng cụ sâu	Cái	01
46	Hộp hấp bông gạc hình trống	Cái	01
47	Hộp hấp dụng cụ có nắp	Cái	01
48	Bát đựng dung dịch thép không gỉ	Cái	01
49	Thùng nhôm đựng nước có vòi	Cái	01
50	Cốc đựng dung dịch có chia độ	Cái	05
51	Kẹp phẫu	Cái	01
52	Kẹp phẫu tích không máu	Cái	01
53	Kẹp Korcher có máu và khóa hãm	Cái	01
54	Kẹp phẫu tích thẳng kiểu Mayo	Cái	01
55	Kéo thẳng, nhọn	Cái	01
56	Kéo thẳng tù	Cái	01
57	Kéo cong nhọn/nhọn 145mm	Cái	01
58	Kéo thẳng nhọn/tù 145mm	Cái	01
59	Kéo cong tù 145mm	Cái	01
60	Kéo cắt bông gạc	Cái	01
61	Kẹp kim Mayo 200mm	Cái	01
62	Cán dao số 4	Cái	01
63	Lưỡi dao mổ số 21 - hộp 5 lưỡi	Hộp	01

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
64	Đèn Clar	Bộ	01
65	Đèn pin	Cái	01
66	Bô tròn	Cái	01
67	Vịt đai nữ	Cái	01
68	Vịt đai nam	Cái	01
69	Thông tiểu nam, nữ các loại	Cái	01
70	Bóc tháo thụt, dây dẫn	Cái	01
71	Ghế đầu quay	Cái	10
72	Các bộ nẹp chân, tay	Bộ	05
73	Garô cho tiêm truyền và garô cầm máu	Cái	05
74	Xoong luộc dụng cụ	Cái	01
III	Trang thiết bị thực hiện hoạt động giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách		
	Giáo dục, tư vấn		
1	Máy chiếu	Cái	01
2	Màn chiếu	Cái	01
3	Máy tính xách tay	Cái	01
4	Đèn bàn	Cái	01
5	Máy trợ giảng	Cái	01
6	Tăng âm	Bộ	01
7	Tủ sách	Cái	01
8	Bàn, ghế	Bộ	02
	Thiết bị phục hồi sức khỏe		
1	Máy tập đa năng điện	Cái	01
2	Xe đạp tập	Cái	01
3	Giàn tạ đa năng	Cái	01
4	Máy chạy bộ	Cái	01
5	Máy vật lý trị liệu đa năng	Chiếc	01
6	Máy châm cứu dò huyết	Cái	01

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
7	Bàn bóng bàn kèm lưới vợt	Bộ	01
8	Thảm và bộ cầu lông	Bộ	01
9	Dụng cụ thể thao khác	Cái	
IV	Trang thiết bị thực hiện hoạt động lao động trị liệu, học nghề		
1	Thiết bị dạy nghề: Theo danh mục trang thiết bị đào tạo nghề của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo nghề sơ cấp.		
2	Thiết bị lao động trị liệu: Theo nhu cầu tổ chức loại hình lao động trị liệu của cơ sở		
V	Trang thiết bị thực hiện hoạt động hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng	Phòng	
1	Điện thoại	Cái	01
2	Máy vi tính + Máy in	Bộ	01
3	Bàn làm việc (tư vấn)	Cái	01
4	Ghế băng	Cái	05
5	Ghế đơn	Cái	01
6	Ti vi	Cái	01
7	Giá sắt để hồ sơ	Cái	01
8	Điều hòa nhiệt độ	Cái	01
9	Máy lọc nước	Chiếc	01
10	Tủ đựng tài liệu	Cái	01
11	Bảng đen	Cái	01
B	TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO SINH HOẠT CỦA NGƯỜI CẢI NGHIỆM		
I	Trang thiết bị phục vụ phòng ở của người cai nghiện	Phòng	
1	Quạt điện	Cái	01
2	Tủ nhiều ngăn	Cái	02

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
3	Giường tầng sắt	Cái	Theo quy mô cơ sở
4	Giường đơn sắt	Cái	Theo quy mô cơ sở
5	Bình đun nước nóng	Cái	01
6	Ti vi (phòng ở)	Cái	01
7	Tủ cá nhân	Chiếc	01
8	Camera an ninh giám sát	Bộ	01
9	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01
10	Hệ thống phát thanh nội bộ	Bộ	01
11	Bảng theo dõi quân số học viên	Cái	01
II	Trang thiết bị phục vụ phòng ăn tập thể		
1	Hệ thống chụp hút mùi inox	Cái	01
2	Bếp hầm đôi Inox	Cái	01
3	Bếp gas	Cái	01
4	Bàn ra đồ ăn inox	Cái	01
5	Bàn sơ chế cắt, chặt, băm	Cái	01
6	Thùng rác inox	Cái	05
7	Giá inox để gia vị, chai lọ	Cái	01
8	Nồi quân dụng	Cái	01
9	Chảo nhôm công nghiệp	Cái	01
10	Bồn nước inox	Cái	01
11	Đèn diệt côn trùng	Chiếc	01
12	Bếp chiên nhúng	Chiếc	01
13	Chậu rửa inox công nghiệp	Cái	01
14	Tủ nấu cơm Gas và điện	Cái	01
15	Nồi nấu canh công nghiệp điện	Cái	01
16	Máy mài dao tự động	Cái	01
17	Máy thái thịt tự động	Cái	01

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
18	Máy xay thịt tự động	Cái	01
19	Lò vi sóng	Cái	01
20	Tủ đông bảo quản thức ăn	Cái	01
21	Tủ mát bảo quản đồ ăn thừa	Cái	01
22	Tủ lưu mẫu thực phẩm	Chiếc	01
23	Xe đẩy đồ ăn inox	Cái	01
24	Xe thu dọn đồ ăn	Cái	01
25	Quạt hơi nước công nghiệp	Cái	01
26	Hệ thống bình nước nóng năng lượng mặt trời	Cái	01
27	Máy lọc nước	Chiếc	01
28	Cây lọc nước nóng lạnh	Cái	01
29	Giá để bát đĩa inox	Cái	01
30	Bàn, ghế phòng ăn	Bộ	Theo quy mô cơ sở
31	Cân đồng hồ	Cái	01
32	Khay đựng cơm	Cái	01
C	TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO VIỆC BẢO VỆ, QUẢN LÝ NGƯỜI CAI NGHIỆN		
1	Camera giám sát ngày và đêm (Theo dõi toàn cơ sở cai nghiện)	Hệ thống	01
2	Tháp đèn di động	Cái	01
3	Máy dò kim loại cầm tay	Cái	01
4	Bộ đàm cầm tay	Bộ	01
5	Ống nhôm ngày và đêm	Cái	01
6	Áo khoác gile quân cảnh	Bộ	01
7	Gậy cao su	Cái	01
8	Thiết bị báo động (còi, đèn chớp, nút bấm)	Bộ	01
9	Thiết bị, công cụ hỗ trợ (Theo quy định của ngành Công an)	Bộ	01

TT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
D	TRANG THIẾT BỊ DÙNG CHUNG CỦA CƠ SỞ		
1	Máy bơm nước điện	Cái	01
2	Máy phát điện dưới 50 KVA	Cái	01
3	Đèn sạc xách tay	Cái	01
4	Loa phóng thanh cầm tay	Cái	01
5	Máy vi tính + Máy in	Bộ	01
6	Tivi	Cái	01
7	Điện thoại	Cái	01
8	Máy bộ đàm	Bộ	01
9	Bàn làm việc	Cái	Theo quy mô cơ sở
10	Giá sắt để hồ sơ	Cái	01
11	Ghế	Cái	the
12	Ghế băng	Cái	01
13	Điều hòa nhiệt độ	Cái	01
14	Máy lọc nước	Chiếc	01
15	Tủ đựng tài liệu	Cái	01
16	Bảng đen	Cái	01
17	Bếp điện	Cái	01
18	Lò sưởi điện	Cái	01
19	Xe cứu thương	Chiếc	01
20	Máy sấy công nghiệp	Chiếc	01
21	Máy giặt công nghiệp	Chiếc	01
22	Xe đẩy đồ vải inox	Cái	01
23	Hệ thống âm thanh sinh hoạt tập thể	Bộ	01

Phụ lục II
CÁC MẪU VĂN BẢN THỰC HIỆN CÔNG TÁC CAI NGHIỆN,
QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY

(Kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ)

TT	Nội dung biểu mẫu
I	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY
Mẫu số 01	Văn bản đề nghị cấp (cấp lại) giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 02a	Văn bản đề nghị chấp thuận đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy
Mẫu số 02b	Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 03	Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 04	Lý lịch tóm tắt của cá nhân hoặc người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 05	Phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 06	Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 07	Biên bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện về việc xác nhận giấy phép hoạt động bị mất (hoặc hỏng).
Mẫu số 08	Báo cáo khắc phục việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 09	Biên bản vi phạm các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 10	Quyết định của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.
Mẫu số 11	Văn bản của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện xin dừng hoạt động cai nghiện ma túy.
Mẫu số 12	Quyết định của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

TT	Nội dung biểu mẫu
II	ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CAI NGHIỆN MA TÚY
Mẫu số 13	Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị.
Mẫu số 14	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
Mẫu số 15	Biên bản về hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
Mẫu số 16	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
Mẫu số 17	Báo cáo khắc phục việc đình chỉ hoạt động của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
Mẫu số 18	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng đối với cho đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền.
III	QUY TRÌNH CAI NGHIỆN MA TÚY
Mẫu số 19	Phiếu thu thập thông tin cá nhân của người cai nghiện ma túy.
Mẫu số 20	Kế hoạch cai nghiện ma túy cá nhân (đánh giá kế hoạch cai nghiện ma túy).
Mẫu số 21	Kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng của người sau cai nghiện.
IV	CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN
Mẫu số 22	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện (bao gồm kế hoạch, đánh giá kế hoạch cai nghiện dự kiến) của người nghiện hoặc người đại diện hợp pháp.
Mẫu số 23	Sổ theo dõi đăng ký cai nghiện tự nguyện.

TT	Nội dung biểu mẫu
Mẫu số 24	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
Mẫu số 25	Văn bản đề nghị tiếp tục quản lý, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi thay đổi nơi cư trú.
Mẫu số 26a	Giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng
Mẫu số 26b	Giấy xác nhận hoàn thành cung cấp dịch vụ, hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện
Mẫu số 27	Biên bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về hành vi vi phạm các quy định pháp luật về điều trị thay thế, cai nghiện tự nguyện của người tham gia điều trị thay thế, cai nghiện tự nguyện.
Mẫu số 28	Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy.
V	CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC
Mẫu số 29	Văn bản của cơ quan lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
Mẫu số 30	Tóm tắt lý lịch của người nghiện ma túy.
Mẫu số 31	Bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc.
Mẫu số 32	Thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
Mẫu số 33	Văn bản trả hồ sơ bổ sung của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.
Mẫu số 34	Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
Mẫu số 35	Bản cam kết (đồng ý hoặc không đồng ý) quản lý người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của gia đình, người đại diện hợp pháp.
Mẫu số 36	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an về việc giao quản lý người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

TT	Nội dung biểu mẫu
Mẫu số 37	Biên bản giao, nhận người nghiện ma túy trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc giữa cơ quan giao và cơ sở quản lý.
Mẫu số 38	Ý kiến của cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp (đồng ý hoặc không đồng ý, ý kiến khác) về việc đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi.
Mẫu số 39	Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi.
Mẫu số 40	Biên bản giao, nhận người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
Mẫu số 41	Quyết định truy tìm đối tượng của cơ quan công an, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.
Mẫu số 42a	Đơn đề nghị hoãn/miễn thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.
Mẫu số 42b	Đơn đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định của người đại diện hợp pháp đối với người nghiện từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi.
Mẫu số 43	Văn bản đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.
Mẫu số 44	Danh sách đối tượng đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ, miễn chấp hành phần thời gian còn lại.
Mẫu số 45	Quyết định của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc tạm đình chỉ thi hành quyết định theo yêu cầu của cơ quan tổ tụng hình sự.
Mẫu số 46	Giấy chứng nhận đã chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.
Mẫu số 47	Biên bản bàn giao người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi của Cơ sở cai nghiện bắt buộc cho gia đình hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã.
Mẫu số 48	Đơn đề nghị cho người cai nghiện về chịu tang của gia đình người đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

TT	Nội dung biểu mẫu
Mẫu số 49	Quyết định của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cho phép người đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc được về chịu tang.
VI	QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN MA TÚY
Mẫu số 50	Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy của Trưởng Công an cấp xã.
Mẫu số 51	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy.
Mẫu số 52	Danh sách đối tượng bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.
Mẫu số 53	Thông báo của Trưởng công an cấp xã về việc tiếp tục quản lý, hỗ trợ đối với người đang bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện khi thay đổi nơi cư trú.
Mẫu số 54	Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Mẫu 01. Văn bản đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
 TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....³⁴, ngày... tháng... năm.....

V/v đề nghị cấp (cấp lại) Giấy
 phép hoạt động cai nghiện ma túy

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....⁵

1. Tên cơ sở viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên cơ sở viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên cơ sở viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....; E-mail:.....

Trang thông tin điện tử (nếu có):.....

3. Người đại diện theo pháp luật:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại liên lạc:.....

4. Quyết định thành lập (cho phép thành lập) cơ sở cai nghiện số... ngày... tháng... năm... của.....

hoặc **Mã số doanh nghiệp:**..... đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ... (nếu có) ngày... tháng... năm... nơi cấp.....

Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp/cấp lại Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy.

Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Hồ sơ kèm theo gồm:

1).....

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)

² Tên cơ sở cai nghiện ma túy

³ Chữ viết tắt tên cơ sở cai nghiện ma túy

⁴ Địa danh

⁵ Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Mẫu 02a. Văn bản đề nghị chấp thuận đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
 TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN.....²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....³.....⁴....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v đề nghị chấp thuận đặt trụ sở
 của cơ sở cai nghiện ma túy

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....⁵.....

1. Tên cơ sở viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên cơ sở viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên cơ sở viết tắt (nếu có):.....

2. Người đại diện theo pháp luật:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại liên lạc:.....

3. Quyết định thành lập (cho phép thành lập) cơ sở cai nghiện số... ngày... tháng... năm... của.....

Hoặc **Mã số doanh nghiệp:**..... đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., thay đổi lần thứ..... (nếu có) ngày..... tháng..... năm..... nơi cấp.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân.....⁵..... chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy³..... tại địa chỉ:.....⁶.....

Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Hồ sơ kèm theo gồm:

1)

2)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)

² Tên cơ sở cai nghiện ma túy

³ Chữ viết tắt tên cơ sở cai nghiện ma túy

⁴ Địa danh

⁵ Tên Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương

⁶ Ghi rõ địa chỉ dự kiến đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy

Mẫu 02b. Văn bản chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

UBND CẤP HUYỆN.....¹..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....²....., ngày... tháng... năm.....
 V/v chấp thuận đặt trụ sở của cơ sở
 cai nghiện ma túy tự nguyện

Kính gửi:.....³.....

Sau khi nghiên cứu, xem xét Văn bản số:...../..... ngày.... tháng.... năm.....
 của.....³..... đề nghị chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma
 túy tự nguyện.

Ủy ban nhân dân..... chấp thuận cho.....³..... đặt trụ sở cơ
 sở cai nghiện ma túy tại:.....⁴.....

Đề nghị.....³..... thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo
 đúng quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy và các
 quy định pháp luật khác có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương

² Địa danh

³ Tên cơ quan chủ quản hoặc cơ sở cai nghiện ma túy

⁴ Ghi rõ địa chỉ (số nhà, tổ/xóm/phường/xã/huyện/tỉnh)

Mẫu 03. Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN.....² **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH NHÂN VIÊN CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....³

1. Tên cơ sở viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên cơ sở viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên cơ sở viết tắt (nếu có):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....; E-mail:.....

Trang thông tin điện tử (nếu có):.....

3. Người đại diện theo pháp luật:.....

Chức danh:.....

Số điện thoại liên lạc:.....

Cơ sở cam kết nội dung thông tin về nhân viên trong danh sách kèm theo là chính xác.

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CMT/HC	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Vị trí nghiệp vụ	Kinh nghiệm làm việc	Thông tin về hợp đồng lao động			
								Ngày ký	Công việc	Thời gian làm việc	Thời hạn hợp đồng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

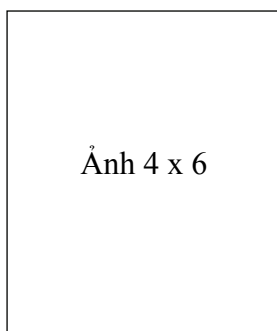
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)

² Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có) vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

³ Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Mẫu 04. Lý lịch tóm tắt của cá nhân, người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹, ngày... tháng..... năm.....

LÝ LỊCH TÓM TẮT
của cá nhân, người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật
của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ
cai nghiện ma túy tự nguyện

I. SƠ LƯỢC VỀ BẢN THÂN

- Họ và tên:..... Giới tính:.....
- Tên gọi khác:.....
- Sinh ngày..... tháng.... năm.....
- Nơi thường trú/tạm trú:.....
- Nơi ở hiện tại:.....
- Số CCCD/CMND/HC:.....
- Ngày cấp:...../...../.....; Nơi cấp:.....
- Trình độ đào tạo (*ghi rõ trình độ, tên ngành đào tạo cao nhất*):.....

II. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP, LÀM VIỆC

1. Quá trình học tập, công tác

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đã học và tốt nghiệp những trường nào, ở đâu hoặc làm những công việc gì (kể cả hợp đồng lao động) trong cơ quan, đơn vị, tổ chức nào, ở đâu (<i>kê khai những điểm chính, điểm liên quan đến kinh nghiệm về công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện</i>)

2. Đào tạo, bồi dưỡng về chẩn đoán, xác định nghiện ma túy và điều trị, cai nghiện ma túy

Tên cơ sở/khóa/lớp đào tạo, bồi dưỡng	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Thời gian đào tạo (<i>từ tháng... năm.... đến tháng..... năm....</i>)	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật. Nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

XÁC NHẬN²
(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Địa danh

² Xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc UBND cấp xã nơi cư trú

Mẫu 05. Phương án tài chính của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN.....² Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....³....., ngày... tháng... năm.....

PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH**I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ**

1. Tên cơ sở viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị (*Khái quát toàn bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở*):.....

3. Tổ chức bộ máy, nhân sự

- Tổng số nhân viên:.....

- Cơ cấu tổ chức bộ máy:.....

II. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG

1. Mục tiêu/định hướng phát triển (*dự kiến số lượt dịch vụ/người nghiện được tiếp nhận trong 3 năm, 5 năm*):.....

2. Các dịch vụ cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện tự nguyện

- Cung cấp dịch vụ tại cơ sở cai nghiện:.....

- Cung cấp dịch vụ tại gia đình, cộng đồng:.....

- Các dịch vụ khác:.....

3. Giá dịch vụ cai nghiện dự kiến:.....

III. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

1. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu:.....

2. Phương án tài chính khác:.....

IV. KẾT LUẬN

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(*Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)

² Tên cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

³ Địa danh

Mẫu 06. Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyệnUBND CẤP TỈNH.....¹
SỞ LĐTBXH.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:...../GP-HĐCNMT², ngày..... tháng..... năm.....**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY**
GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI*Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;**Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;**Theo đề nghị của Chi Cục trưởng/Trưởng phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội,***CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG CAI NGHIỆN MA TÚY****CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY.....³**

Tên cơ sở viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có):.....

1. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....; E-mail:.....

Trang thông tin điện tử (nếu có):.....

2. Người đại diện theo pháp luật:.....

Chức danh:.....

Số CCCD/CMND/HC:..... Ngày cấp:...../...../.....;

Nơi cấp:.....

3. Loại hình thức cơ sở:.....⁴**4. Phạm vi hoạt động chuyên môn:**.....⁵**5. Thời gian làm việc hàng ngày:**.....⁶**6. Hiệu lực của giấy phép:**.....⁷**GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*¹ Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương² Địa danh³ Ghi rõ tên cơ sở cai nghiện ma túy⁴ Ghi loại hình tổ chức cơ sở theo giấy phép, đăng ký thành lập (doanh nghiệp, cơ sở khác...)⁵ Phạm vi dịch vụ cai nghiện được phép cung cấp (theo đăng ký)⁶ Ghi rõ thời gian làm việc của cơ sở (8/24 giờ hoặc 24/24 giờ)⁷ Ghi rõ ngày, tháng, năm thời điểm bắt đầu, kết thúc (nếu có)

Mẫu 07. Biên bản xác nhận giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy bị mất, hỏng

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN.....² **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....³....., ngày... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN**Xác nhận giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy
của cơ sở cai nghiện ma túy bị mất (hoặc hỏng)**

Hôm nay, hồi.... giờ.... phút, ngày.../.../....., tại.....⁴.....

Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:.....⁵..... Chức vụ:.....

Cơ quan:.....

2. Với sự chứng kiến của⁶:

Họ và tên:..... Nghề nghiệp:.....

Số CCCD/CMND/HC:.....

Ngày cấp:.../.../.....; Nơi cấp:.....

Tiến hành lập biên bản với nội dung sau:

1. Tên cơ sở:.....; Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy số:...../GP-HĐCNMT, cấp ngày..... tại:.....

2. Xác nhận Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy bị:.....⁷.....

3. Lý do:.....⁸.....

Biên bản lập xong hồi..... giờ..... cùng ngày, đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký xác nhận dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ **NGƯỜI CHỨNG KIẾN** **NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) *(Ký, ghi rõ họ tên)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)

² Tên cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

³ Địa danh

⁴ Ghi rõ địa danh xã, huyện, tỉnh

⁵ Họ, tên người lập biên bản.

⁶ Ghi rõ họ tên, nghề nghiệp của người chứng kiến

⁷ Ghi rõ bị mất hoặc hư hỏng

⁸ Ghi rõ lý do bị mất hoặc hư hỏng

Mẫu 08. Báo cáo khắc phục hậu quả việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
 TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN.....²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....³, ngày... tháng..... năm.....

BÁO CÁO**Khắc phục hậu quả việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy**

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....

Thực hiện Quyết định số:..../QĐ-SLĐTBXH ngày... tháng.... năm..... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội..... về việc đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy có thời hạn đối với cơ sở cai nghiện ma túy..... Cơ sở cai nghiện..... là đơn vị báo cáo kết quả khắc phục hậu quả đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy như sau:

1. Hành vi vi phạm và kết quả khắc phục (ghi rõ từng hành vi vi phạm theo biên bản và kết quả khắc phục của cơ sở cai nghiện ma túy)

.....

2. Kết quả giải quyết đối với người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy trong thời gian cơ sở bị đình chỉ hoạt động (bồi thường thiệt hại, hoàn trả chi phí cai nghiện....)

.....

3. Các vấn đề khác:.....

.....

4. Kiến nghị:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)

² Tên cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

³ Địa danh

Mẫu 09. Biên bản vi phạm các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

UBND CẤP TỈNH.....¹
SỞ LĐTBOXH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-VPHC¹....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Hôm nay, hồi.... giờ.... phút, ngày.../.../....., tại.....².....

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:.....³ Chức vụ:.....

Cơ quan:.....

2. Với sự chứng kiến của⁴:

a) Họ và tên:..... Nghề nghiệp:.....

Nơi ở hiện nay:.....

b) Họ và tên:..... Nghề nghiệp:.....

Nơi ở hiện nay:.....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với:

1. Tên cơ sở:.....; Giấy phép hoạt động cai nghiện số:...../
GP-HĐCNMT cấp ngày..... tại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Chức danh:.....

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính:.....⁵.....

¹ Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

² Ghi rõ địa danh xã, huyện, tỉnh

³ Họ, tên người lập biên bản

⁴ Ghi rõ họ tên, nghề nghiệp của người chứng kiến

⁵ Ghi cụ thể hành vi vi phạm

3. Quy định tại Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

4. Ý kiến trình bày của đại diện tổ chức vi phạm:.....

5. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có):.....

6. Chúng tôi đã yêu cầu cá nhân chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

7. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng, gồm:.....¹

8. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà).....² đại diện cơ sở vi phạm có quyền gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình đến ông (bà).....³ để thực hiện quyền giải trình.

Biên bản lập xong hồi.... giờ.... phút, ngày...../...../....., gồm..... tờ, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà).....⁴ là cá nhân vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

Trường hợp cá nhân vi phạm không ký biên bản

Lý do ông (bà).....² đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản:.....⁴

CÁ NHÂN VI PHẠM
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)

¹ Ghi rõ các biện pháp đã được áp dụng

² Họ, tên người vi phạm

³ Ghi rõ họ, tên, chức vụ, địa chỉ người có thẩm quyền giải quyết

⁴ Ghi rõ lý do

Mẫu 10. Quyết định đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

UBND CẤP TỈNH.....¹.....
SỞ LĐTBXH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SLĐTBXH²....., ngày.... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy có thời hạn đối với cơ sở
cai nghiện ma túy.....³.....**

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Biên bản số:...../BB-VPHC ngày.... tháng.... năm..... về hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy.....².....;

Theo đề nghị của Chi Cục trưởng/Trưởng phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở.....².....;
Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy số:...../GP-HĐCNMT, cấp ngày...../...../.....
tại:.....

2. Lý do đình chỉ:.....⁴.....

3. Thời hạn đình chỉ:..... tháng, từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

Điều 2. Cơ sở cai nghiện ma túy..... phải chịu trách nhiệm hoàn trả chi phí cai nghiện và giải quyết các quyền, lợi ích khác của người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Cơ sở cai nghiện ma túy có tên tại Điều 1, Chi Cục trưởng/Trưởng phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội, các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

² Địa danh

³ Ghi rõ tên cơ sở cai nghiện ma túy

⁴ Ghi rõ lý do đình chỉ theo quy định của Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày....

Mẫu 11. Văn bản đề nghị xin dừng hoạt động cai nghiện ma túy

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ SỞ CAI NGHIỆN.....² **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....³, ngày... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ
Dừng hoạt động cai nghiện ma túy

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.....⁴

1. Cơ sở:.....²; Giấy phép hoạt động cai nghiện
số:...../GP-HĐCNMT, cấp ngày...../...../..... tại.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Chức danh:.....

2. Đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy từ ngày:...../...../.....

3. Lý do:.....

.....
Cơ sở.....² cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có)

² Tên cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

³ Địa danh

⁴ Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Mẫu 12. Quyết định thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện

UBND CẤP TỈNH.....¹.....
SỞ LĐTBXH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SLĐTBXH²....., ngày.... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy đối với
 cơ sở cai nghiện ma túy.....³.....**

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Biên bản số:...../BB-VPHC ngày.... tháng.... năm.... về hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy.....².....

Theo đề nghị của Chi Cục trưởng/Trưởng phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy số:...../GP-HĐCNMT do Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp ngày...../...../..... của cơ sở cai nghiện ma túy.....².....;

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

2. Lý do thu hồi:.....⁴.....

Điều 2. Cơ sở cai nghiện ma túy..... phải chịu trách nhiệm hoàn trả chi phí cai nghiện và giải quyết các quyền, lợi ích khác của người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở, Cơ sở cai nghiện ma túy có tên tại Điều 1, Chi Cục trưởng/Trưởng phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội, các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT.

¹ Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

² Địa danh

³ Ghi rõ tên cơ sở cai nghiện ma túy

⁴ Ghi rõ lý do thu hồi theo quy định của Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày....

Mẫu 13. Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghịTÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ SỞ.....²**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /.....³.....⁴....., ngày..... tháng..... năm.....V/v đề nghị công bố (công bố lại) cơ
sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ
cai nghiện ma túyKính gửi: Ủy ban nhân dân.....⁵.....1. Họ, tên cá nhân/cơ sở cung cấp dịch vụ (*chữ in hoa*):.....

Địa chỉ cung cấp dịch vụ:.....

Điện thoại:.....; E-mail:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với cơ sở):.....

Chức danh:..... Số điện thoại liên lạc:.....

2. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.....⁵..... công bố/công
bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy.a) Phạm vi dịch vụ:.....⁶.....b) Loại hình cung cấp dịch vụ:.....⁷.....Cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp
luật về cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy.

3. Hồ sơ kèm theo gồm:

1).....

2).....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN*(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)*¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có);² Tên cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy;³ Chữ viết tắt tên cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy;⁴ Địa danh;⁵ Ghi rõ tên cấp Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;⁶ Ghi rõ dịch vụ cai nghiện ma túy dự kiến cung cấp;⁷ Ghi rõ dịch vụ nội trú hay ngoại trú.

Mẫu 14. Quyết định công bố (công bố lại) cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồngỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....¹.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /QĐ-UBND¹....., ngày..... tháng..... năm.....**QUYẾT ĐỊNH****Công bố tổ chức/cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN.....².....***Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;**Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;**Căn cứ Biên bản thẩm định..... ngày...../...../..... của.....**Theo đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cơ sở/cá nhân dưới đây đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:1. Họ, tên cá nhân/cơ sở cung cấp dịch vụ (*chữ in hoa*):.....

Điện thoại:.....; E-mail:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với cơ sở):.....

Chức danh:..... Số điện thoại:.....

2. Phạm vi dịch vụ:.....³.....3. Loại hình cung cấp dịch vụ:.....⁴.....

4. Địa chỉ cung cấp dịch vụ:.....

5. Giá dịch vụ (dự kiến):.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, tổ chức/cá nhân có tên tại Điều 1, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**CHỦ TỊCH***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*¹ Địa danh;² Ghi rõ địa danh cấp Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;³ Ghi rõ dịch vụ cai nghiện ma túy dự kiến cung cấp;⁴ Ghi rõ dịch vụ nội trú hay ngoại trú.

Mẫu 15. Biên bản hành vi vi phạm các quy định pháp luật về cai nghiện ma túy của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của Trường phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....¹.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-VPHC¹....., ngày... tháng... năm.....

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Về hành vi vi phạm các quy định pháp luật về cai nghiện ma túy của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Hôm nay, hồi.... giờ.... phút, ngày.../.../....., tại.....¹.....

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

I. Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:.....²..... Chức vụ:.....

Cơ quan:.....

2. Họ và tên:.....³..... Chức vụ:.....

Cơ quan:.....

3. Với sự chứng kiến của⁴:

a) Họ và tên:..... Nghề nghiệp:.....

Nơi ở hiện nay:.....

b) Họ và tên:..... Nghề nghiệp:.....

Nơi ở hiện nay:.....

II. Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với:

1. Họ, tên cá nhân/cơ sở cung cấp dịch vụ (*chữ in hoa*):.....

Điện thoại:.....; E-mail:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với cơ sở):.....

Chức danh:..... Số điện thoại liên lạc:.....

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính:.....⁵.....

¹ Ghi rõ địa danh cấp Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

² Họ, tên người lập biên bản;

³ Họ, tên người lập biên bản;

⁴ Ghi rõ họ tên, nghề nghiệp của người chứng kiến;

⁵ Ghi cụ thể hành vi vi phạm;

3. Quy định tại Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện và quản lý sau cai nghiện ma túy;

4. Ý kiến trình bày của đại diện tổ chức vi phạm:.....

5. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có):.....

6. Chúng tôi đã yêu cầu cá nhân chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

7. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng, gồm:.....¹

8. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà).....² đại diện cơ sở vi phạm có quyền gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình đến ông (bà).....³ để thực hiện quyền giải trình.

Biên bản lập xong hồi.... giờ.... phút, ngày...../...../....., gồm..... tờ, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà).....⁴ là cá nhân vi phạm.... bản,.... bản lưu hồ sơ.

Trường hợp cá nhân vi phạm không ký biên bản

Lý do ông (bà).....² đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản:.....⁴

CÁ NHÂN VI PHẠM

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

¹ Ghi rõ các biện pháp đã được áp dụng;

² Họ, tên người vi phạm;

³ Ghi rõ họ, tên, chức vụ, địa chỉ người có thẩm quyền giải quyết;

⁴ Ghi rõ lý do.

Mẫu 16. Quyết định đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồngỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....¹.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /QĐ-UBND¹....., ngày.... tháng... năm.....**QUYẾT ĐỊNH**
Đình chỉ hoạt động cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy
tại gia đình, cộng đồng**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN.....¹.....***Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm 2021;**Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;**Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số:...../BB-VPHC, ngày...../...../.....**Theo đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở.....².....; theo Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày...../...../..... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.....2. Lý do đình chỉ:.....³.....

3. Thời hạn đình chỉ:..... tháng, từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

Điều 2. Cơ sở.....²..... phải chịu trách nhiệm hoàn trả chi phí cai nghiện và giải quyết các quyền, lợi ích khác của người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, tổ chức/cá nhân có tên tại Điều 1, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*¹ Ghi rõ địa danh cấp Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;² Ghi rõ tên cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy;³ Ghi rõ lý do đình chỉ theo quy định của Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày.....

Mẫu 17. Báo cáo khắc phục việc đình chỉ hoạt động của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ SỞ.....²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....³....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Khắc phục hậu quả việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân.....⁴.....

Thực hiện Quyết định số:..../QĐ-UBND ngày... tháng.... năm..... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện..... về việc đình chỉ hoạt động cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy.....

Cơ sở báo cáo kết quả khắc phục hậu quả đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy như sau:

1. Hành vi vi phạm và kết quả khắc phục (*ghi rõ từng hành vi vi phạm theo biên bản và kết quả khắc phục của cơ sở cai nghiện ma túy*).

.....

.....

2. Kết quả giải quyết đối với người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện trong thời gian cơ sở bị đình chỉ hoạt động (*bồi thường thiệt hại, hoàn trả chi phí cai nghiện....*).

.....

.....

3. Các vấn đề khác:.....

.....

4. Kiến nghị:.....⁵.....

.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có);

² Tên cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện;

³ Địa danh;

⁴ Ghi rõ địa danh cấp Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

⁵ Ghi rõ kiến nghị công bố lại hoặc không.

Mẫu 18. Quyết định giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng đối với đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyềnỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN.....¹.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

.....¹....., ngày..... tháng..... năm.....**QUYẾT ĐỊNH****Đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN.....¹.....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy năm ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập dưới đây cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

1. Tên đơn vị sự nghiệp công lập (*chữ in hoa*):.....

Người đại diện:..... Chức danh:.....

2. Phạm vi dịch vụ cai nghiện tự nguyện:.....².....

3. Loại hình cung cấp dịch vụ:.....³.....

4. Địa chỉ cung cấp dịch vụ:.....⁴.....

5. Giá dịch vụ (*dự kiến*):.....

Điều 2. Việc cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho đơn vị thực hiện. Đơn vị phải bảo đảm thực hiện theo quy định pháp luật về cai nghiện ma túy.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, tổ chức/cá nhân có tên tại Điều 1, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

¹ Ghi rõ tên địa danh cấp Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

² Ghi rõ dịch vụ cai nghiện ma túy dự kiến cung cấp;

³ Ghi rõ dịch vụ nội trú hay ngoại trú;

⁴ Ghi địa chỉ cụ thể của đơn vị sự nghiệp.

(Xem tiếp Công báo số 39 + 40)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng